

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ **MÔN NGHI LỄ**



Biên Soạn:
GIÁO HỮU THƯỢNG MÀNG THANH
1999



**GIÁO HỮU THƯỢNG MÀNG THANH
(1922 – 2009)**

Kính gửi: Chư Đạo Muội học viên Khóa Hạnh Đường Hàm Thụ.

Trích yếu: Văn thư chào mừng ngày khai giảng Khóa Hạnh Đường.

Các bạn học viên thân mến,

Hôm nay là ngày đầu tiên các bạn nhận được tài liệu giảng huấn về Khóa Hạnh Đường Hàm Thụ, khởi sự khai giảng khóa I đúng ngày 01/07/99 như đã ấn định.

Trước khi chúng ta bắt tay nghiên cứu các môn về Khoa Thần Học CAO ĐÀI, Tiệp Hiền có vài lời bàn thảo với các bạn, gọi là phần “đả thông tư tưởng”.

Thế thường, trước khi ta muốn thực hiện một việc gì thì trước đó trong đầu óc ta đã biết và thúc đẩy ta hăm hở thực hiện, đó là phần tư tưởng. Tư tưởng đúng sẽ đem lại sự thành công tốt đẹp. Tư tưởng sai, ta cam phần thất bại đương nhiên. Từ ngữ dân gian thường nói: “Hơn thua nhau do bởi cái đầu”.

Đức Thánh có dạy ta 8 yếu tố để giúp ta trở nên người hiền (Hiền Nhân) là: Cách Vật, Trí Tri, Thành Ý, Chánh Tâm, Tu, Tề, Trị, Bình.

Cách Vật nghĩa là chúng ta phải phân biệt từng loại vật. Vật nào ra vật nấy.

Trí Tri có nghĩa lấy trí thức khôn ngoan mà nhận định để hiểu biết thông suốt.

Thành Ý là lấy tấm lòng thành thật quyết tâm thực hiện, kiên định lập trường.

Chánh Tâm là cái Tâm chánh đáng, trái với tà tâm dục vọng.

Khi ta lướt qua được 4 yếu tố vừa kể, 4 yếu tố tiếp theo là Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ.

Khi ta lướt qua được 4 yếu tố vừa kể, 4 yếu tố tiếp theo là Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ.

Phần khắc kỷ tu thân rất quan trọng. Ở trong gia đình nếu ta không phải là đứa con hiếu thảo của cha mẹ, người chồng trọn nghĩa của vợ hiền, người cha gương mẫu của các con, thì làm sao gọi là người lãnh đạo sáng suốt của gia đình, tức là Tề Gia.

Tề Gia không xứng phận làm sao ra xã hội lo việc phục vụ quốc gia, dân tộc, gọi là Trị Quốc và sau đó tiến tới chỗ Đại Đồng là Bình Thiên Hạ.

Về học Đạo, “Đạo Pháp vô biên, còn sự hiểu biết của con người thì hữu hạn”. Vả lại, trong lãnh vực Đạo học, ngọn núi thường không đủ khả năng truyền đạt hết lý Đạo, nên việc tu không phải chỉ có mỗi mỗi hành, không chỉ trau luyện cái thần trí mà phải trau luyện cả thân tâm. Văn chương Cơ Bút rất hàm súc bởi nguồn gốc bán hữu hình của nó, nên phải cảm thông với điều muốn diễn tả mà Chơn thần đồng tử đôi khi không đủ khả năng phơ bài trọn vẹn.

Khóa Hạnh Đường gồm có 4 môn: Giáo Lý, Hành Chánh Đạo, Luật Pháp và Nghi Lễ. Các tài liệu trong 4 môn học này được biên soạn dựa theo tài liệu Hạnh Đường huấn luyện Bàn Trị Sự của Tòa Thành Tây Ninh.

“Đường đi khó, không khó gì ngăn song cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e song”.

Đôi lời tâm huyết, chúc các bạn thành công theo đuổi suốt giáo trình học tập.

Giáo Hữu Thượng Màng Thanh

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm

Môn Nghi Lễ: Bài số 01

Đề Tài: **THIỆT LỄ ĐÁM TANG THEO NGHI THỨC CAO ĐÀI**

NGHI LỄ là cái hình thức phô diễn bên ngoài có tánh cách qui củ chuẩn thẳng của tổ chức Tôn giáo. Lễ dùng để tế tự, có mục phiêu làm cho đàn tế ra vẻ tôn nghiêm và đào tạo cho người một tâm lý **Kính** và **Thành**. Có **Kính** mới giữ được bản tính của mình. Có **Thành** mới cảm ứng được với **TRỜI**, tức nhiên Lễ giúp người hàm dưỡng tâm tánh để cảm thông với **ĐỨC CHÍ TÔN** đó vậy.

Phần Nghi Lễ thường hành, thuộc về **Bí Truyền Chơn Pháp**.

Về hình thức thấy chẳng có gì, nhưng về **Bí Pháp** rất quan trọng; nhất là phần **Tang Lễ**. Làm sai một chút là “**Thất Pháp**”. Hễ “**Thất Pháp**” thì các **Đấng** không ngự. Vong linh người quá cố bị chơi vơi giữa vơi, không thăng mà chẳng giáng xuống đâu được. Người hành pháp lễ đương nhiên phải bị đọa.

Tuân theo Thiên Điều, nhiệm vụ của Hội Thánh chẳng những có phận sự đối với người tín đồ lúc còn sanh tiền, tức “**độ sanh**”, đến khi chết, cũng phải lo phần siêu rỗi, gọi là “**độ tử**”. Nên trên lầu Hiệp Thiên Đài Đền Thánh có ghi 2 chữ **NHÂN NGHĨA**, để nói cho chúng sanh hiểu biết điều đó của Tôn giáo Cao Đài.

Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo cũng như quyển Quan Hôn Tang Lễ của **HỘI THÁNH** ấn tống và ban hành có ghi rõ : **CÁCH THIẾT LỄ MỖI NGHI TIẾT**, từ cầu Hồn Khi Hấp Hối, Khi Đã Chết Rồi. Lễ Thượng Sơ Tân Cố, Lễ Tẩn Liệm, Lễ Thành Phục, Phát Tang, Cầu Siêu. Sau cùng là Lễ Đưa Linh Cửu và Hạ Huyệt.

Tóm lược : **Nghi Lễ đám tang chia ra làm 5 phần. Cách thiết lễ mỗi Nghi Tiết như sau :**

1.- LỄ CẦU HỒN KHI HẤP HỐI và CẦU HỒN KHI ĐÃ CHẾT RỒI :

Dầu nhằm giờ cúng Tứ thời hay không cũng phải **thiết lễ cúng Thầy trước**. Cúng rồi thì tịnh tâm vái Thầy đặng tụng **KINH CẦU HỒN** cho Đạo Hữu trong khi hấp hối hay vừa qui liểu. (Không dâng Sớ). Tại Thánh Thất, Lễ Vụ dụng chuông cảnh cáo, Nam 7 tiếng, Nữ 9 tiếng. (Quan Hôn Tang Lễ)

2.- **LỄ THƯƠNG SỚ TÂN CỐ** : Dâng Sớ tại Thánh Thất hay tư gia cũng được.

Bắt buộc phải có thơ của Tang quyến thông báo và yêu cầu Bàn Trị Sự thiết lễ phải đính theo Sớ Cầu Dao để có đủ tài liệu ghi vào Sớ Điệp và đốt theo. Lưu ý : Vì trong lòng Sớ có ghi câu : Hiếu quyến hay tang quyến khẩn thỉnh Nếu không có thơ gửi yêu cầu thì Bàn Trị Sự căn cứ vào đâu lập chương trình hành lễ. Vả lại, nếu không có thơ như vậy chúng ta đã nói đối với Thiên Đình hay sao ?

3.- **LỄ TẤN LIÊM cũng gọi là LỄ NHẬP MẠCH** : Cách thể nghi tiết làm cũng như Cầu Hồn vậy, nghĩa là **phải cúng Thầy trước** (không dâng Sớ), rồi đến chỗ người chết nằm, tụng kinh TẤN LIÊM (3 lần). Tụng kinh rồi thì Tang chủ lạy vong linh, nghĩa là lạy xác rồi mới tấn Liêm. (Theo luật lệ hiện hành của Chính Phủ Mỹ, xác chết không được để tại tư gia, khi thủ tục khám nghiệm xong đưa xác ra nhà quàng thì họ đã tấn liêm rồi. Tuy nhiên ta cũng phải làm lễ nhập mạch, tụng kinh Tấn Liêm cho đủ nghi tiết).

4.- **LỄ THÀNH PHỤC : Cúng Thầy trước, có Thương Sớ.** (Khi đốt Sớ Điệp, nhớ đốt Sớ Cầu Dao người chết theo). Đem bài vị người quá cố đặt sau vị hành lễ trước Thiên Bàn. Tang quyến quì sau bài vị. Cúng dâng Sớ xong thì đem bài vị và mâm tang phục đặt trước Bàn thờ Cửu Huyền để làm lễ Cáo Tử Tổ. Lưu ý : Nhớ để bài vị day mặt vô bàn thờ. Có nghĩa người chết cáo từ Tổ Phụ. Lễ xong, đem bài vị và lư hương đặt trở lại trên Bàn Vong. Mâm tang phục để trước bàn vong, những người thọ tang quì trước bàn vong cầu nguyện. Vị Chức Sắc hay vị Chức Việc hữu trách mặc sắc phục phát tang cho tang quyến. (Nói cho dễ hiểu, chỉ có nhị vị CTS Nam, Nữ thuộc Hương Đạo mình trách nhiệm, phải mặc sắc phục cúng Thầy để hành lễ và đứng ra phát tang. Tất cả chức việc các Hương Đạo khác đến liên giao thì mặc sắc phục thường).

Tiếp theo là phần tế lễ. Tế lễ có 2 phần : Chánh tế và Phụ tế. Kế tiếp là Cầu Siêu. Lưu ý : Trước linh cữu khi làm lễ Tấn Liêm xong, phải dựng bảng Đại Đạo, nên ghi danh Hương Đạo hay Thánh Thất địa phương mình cho mọi người biết , một tấm dầy nắp áo quan có hình Thiên Nhân dầy trên quan tài và dựng Phướn Thượng Sanh từ phẩm Lễ Sanh trở xuống. Về phẩm Lễ Sanh là Chức Sắc Thiên Phong, kế Bàn Hương Án còn phải đặt thêm 1 lọng, có 2 vị Lễ Sĩ mặc áo phái Ngọc hầu.

5.- **LỄ ĐƯA LINH CỬU :**

Cúng Thầy trước, rồi làm lễ Cáo Từ Tổ trước bàn thờ Cửu Huyền. Khi làm lễ Cáo Từ Tổ thì tụng KINH CẦU TỔ PHỤ và tiếp tụng KINH CỨU KHỔ (3 lần), hễ dứt thì niệm CÂU CHÚ CỦA THẦY (3 lần). Kế làm lễ Khiển Điện, làm lễ NHO.

Xong rồi cho Đạo Tỳ nhập bái quan. Hễ phát hành thì Đồng nhi tụng bài KINH ĐƯA LINH CỬU ra tới Huyệt.

HA HUYỆT : Khi ra tới huyệt thì vị Chứng đàn và Đồng nhi đứng trước đầu huyệt tụng KINH HẠ HUYỆT (3 hiệp), mỗi hiệp cúi đầu, mãn hiệp thứ ba liền tụng ba biến VĂNG SANH THẦN CHÚ. Hễ dứt niệm CÂU CHÚ CỦA THẦY (3 lần).

Lưu ý : Trước khi Hạ Huyết, Chức Việc Bàn Trị Sự phải thiết lễ cầu nguyện Hậu Thổ gửi gắm gìn giữ xương tìn người quá cố. Nên cặm nhang van vái những mộ xung quanh cũng với ý nghĩa trên.

PHÉP ĐOẠN CĂN HAY PHÉP CẮT BẢY DÂY OAN NGHIỆT :

Điều hết sức quan trọng mà Đức Chí Tôn hứa ban ơn lần cuối cùng cho người Đệ Tử của Ngài là **PHÉP ĐOẠN CĂN**, tức **cắt 7 dây oan nghiệt và độ thẳng** để Chơn Hồn người quá cố được nhẹ nhàng thoát ra khỏi ngục tù của thể xác, hầu vịn níu Chơn Linh trở về Tiên cảnh. Đoạn này, Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo trang 10 có ghi : *Vị nào giữ được Thập trai đổ lên thì sau khi qui liễu, được Hội Thánh phái Chức Sắc đã thọ Bí Truyền Chơn Pháp đến làm Phép Xác.*

Tại Châu Thành Thánh Địa, trước giờ hành lễ làm Phép Xác, thì vị Lễ Sanh Đầu Phận Đạo cùng một vị đại diện tang quyến đích thân đi rước vị Giáo Hữu Phó Khâm Thành Nam hay Bắc tùy địa phận của vị ấy đến hành lễ. Còn ở Tỉnh thì vị Đầu Tộc Đạo địa phương đi với đại diện tang quyến đi rước vị Giáo Hữu Khâm Châu Đạo đến làm lễ.

TANG LỄ CỦA CHƯ ĐẠO HỮU SA NGÃ VÀ NHỮNG NGƯỜI NGOẠI ĐẠO, MUỐN CẦU SIÊU THEO LỄ ĐẠO (Thi hành theo Tân Kinh). Trong quyển Quan, Hôn, Tang, Lễ của **HỘI THÁNH** đã được Đức LÝ GIÁO TÔNG NHỨT TRẦN OAI NGHIÊM phê chuẩn, trang 41 có ghi :

- 1). Nếu gần Thánh Thất thì Cầu Siêu nơi Thánh Thất.
- 2). Nếu ở xa Thánh Thất thì thiết lễ Cầu Siêu nơi tư gia của Chức Sắc hoặc Chức Việc gần đó.
- 3). Nếu người trong thân quyến chịu nhập môn thì dễ hơn. Chức Sắc cứ đến Thượng Tượng cho nhập môn rồi thiết lễ tang sự luôn.

Hiện nay tại Hải Ngoại, chúng ta gặp phải trở ngại không thể thực hiện lễ tang của người Đạo Cao Đài như 3 điều của Hội Thánh chỉ giáo trên đây. Theo luật lệ hiện hành tại Mỹ quốc thì tang lễ phải cử hành tại Nhà Cầu Nguyện, tức Nhà Quàng. Nghĩa là chúng ta phải thiết lập khuôn Thánh Tượng Thiên Nhân tại Nhà Quàng để hành lễ, theo như các Tôn giáo bạn : Phật giáo, Thiên Chúa và Tin Lành giáo v.v.

Được như vậy, Chức Việc Bàn Trị Sự mới thiết lễ đúng qui cách đã ghi trong quyển Thiên Đạo và Thế Đạo. Đồng thời để đồng Đạo cũng như quan khách có nơi cầu nguyện cho vong linh người quá cố. Không có Thánh Tượng Thiên Nhân, Đồng Đạo và quan khách nương nơi đâu mà cầu nguyện cho vong linh người quá cố ? Chưa nói đến việc thi hành Bí Truyền Chơn Pháp của vị Chức Sắc hành pháp.

Việc thực hiện khuôn Thánh Tượng tại Nhà Quàng có một số người không tán thành, nên gửi thơ về Tòa Thánh Tây Ninh thỉnh giáo Hội Đồng Chưởng Quản. Văn Phòng Hội Đồng Chưởng Quản phúc đáp văn thơ số: 29/68. HĐCQ/VT ngày 21 tháng 11 Nhâm Thân (dl. 14-12-1992), được tóm lược như sau :

Căn cứ phiên họp, biên bản số:05/68.HĐCQ. ngày 11 tháng 11 Nhâm thân (dl.4/12/1992), Hội Đồng Chưởng Quản quyết nghị :

“Trường hợp người Đạo Cao Đài cư trú ở nước ngoài, khi qui vị, lễ tang được tổ chức tại nhà quàng theo qui định chung của Chính Phủ đó. Để việc thực hiện lễ tang cho phù hợp với luật pháp bản xứ, Hội Đồng Chứng Quản tạm thời chấp thuận cho thực hiện khuôn Thánh Tượng Thiên Nhân. Khi có thiết lễ tang thì các vị có trách nhiệm đến Thánh Thất cầu nguyện thỉnh Thánh Tượng này đến nơi hành lễ, thiết lập Thiên Bàn đúng qui cách, cầu nguyện thượng Thánh Tượng rồi hành lễ tang. Sau khi hành lễ tang xong thì cầu nguyện thỉnh Thánh Tượng về cất ở Thánh Thất. Khi nào nơi địa phương đó có điều kiện khác thuận tiện hơn thì sẽ cứu xét lại”.

Điều đáng lưu ý, v/v thiết lễ thượng Thánh Tượng Thiên Nhân để làm lễ tang, đã có tiền lệ sau đây : Thời gian khoảng năm 72 -73, lúc bốn Đạo ở Miền chạy về Tây Ninh lánh nạn, Hội Thánh cho lệnh bốn Đạo tạm định cư trong các lều vải vùng Thanh Điền, Phước Điền, Ninh Điền, Long Hải, Suối Đá. Có một số bốn Đạo bị bệnh qui liễu, Hội Thánh ra lệnh cho các Phận, các Tộc, chớ rập đến che trại, sắm riêng Thánh Tượng để đi làm đám. Lúc cần mang đến thiết lập Thiên Bàn để làm lễ cầu siêu, khi xong rước Thánh Tượng trở về Thánh Thất. Lễ đương nhiên khi rước cũng như đưa Thánh Tượng, vị chủ lễ phải mặc Thiên phục đến trước Thiên Bàn cầu nguyện.

Đặc biệt, năm 1992 vào những ngày 5 và 6 tháng 10, Phái Đoàn Khâm Châu Đạo California & Oregon, trực thuộc Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh được mời tham dự Ngày Cầu Nguyện Hòa Bình cho Việt Nam, tổ chức tại Giáo Đô La Mã (ROMA) nước Ý; hội chung với các Tôn giáo bạn có cơ sở tại Việt Nam. Trong đại lễ này, các Tôn giáo đều được Ban Tổ Chức mời thiết lễ cúng cầu nguyện theo nghi lễ đặc thù của Tôn giáo mình để đại hội chiêm ngưỡng và cùng tham dự. Lễ đương nhiên Phái Đoàn Cao Đài phải mang theo Thánh Tượng Thiên Nhân và đầy đủ dụng cụ thờ phượng đem đặt giữa Hội Trường của Tòa Thánh Vatican để đọc kinh cúng tử Thờ và đọc Sơ Văn v.v.. Tất nhiên hành lễ xong phải mang Thánh Tượng về.

Và năm 1993, Phái Đoàn Khâm Châu Đạo California & Oregon lại được mời Tham dự Đại Hội Tôn Giáo Quốc Tế tổ chức tại Thánh Địa AYABE, Oomoto giáo Nhật Bản, Cầu Nguyện Hòa Bình cho Thế giới. Nhân dịp này Phái Đoàn có đặt trước diễn đàn lá Đạo Kỳ thật lớn có thêu Thiên Nhân, khi Trưởng Phái Đoàn Cao Đài lên đọc tham luận, được đại hội tán thưởng nhiệt liệt lấy bản tham luận của Cao Đài làm bản Tuyên Ngôn chung. Nhất là đại hội hiểu được ý nghĩa của Thiên Nhân là biểu tượng thờ Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế hay là Thần Lương Tâm của toàn thể nhân loại.

Hai kỳ dự Hội Nghị trên đây đã làm sáng danh Tôn giáo Cao Đài trên trường quốc tế trong công tác truyền giáo ở Hải Ngoại, được Chức Sắc và đồng Đạo ở quốc nội hâm mộ, tán thành. Chưa nghe vị Chức Sắc nào có lời phản nản về việc đem Thánh Tượng Thiên Nhân phổ bày trước diễn đàn thế giới bao giờ.

Trong Đại Hội Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh kỳ ba ngày 27-9-98, đã biểu quyết : việc có thực hiện khuôn Thánh Tượng Thiên Nhân tại nhà quàng hay không, tùy các địa phương Đạo quyết định, miễn sao thực hiện đúng nghi thức tang lễ là được.-

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm
Môn Nghi Lễ: Bài số 02

Đề Tài: Ý NGHĨA CÁC VẬT DỤNG THỜ PHƯỢNG TRÊN THIÊN BÀN

Trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Tòa Thánh Tây Ninh phần Tiểu Dẫn cách thờ phượng, Hội Thánh minh định vật dụng thờ phượng gồm 12 món sau đây :

- 1.- Thánh Tượng THIÊN NHÃN
- 2.- Đèn Thái Cực (*)
- 3.- Trái cây
- 4.- Bông
- 5.- Nước trà (để bên hữu ấy là Âm)
- 6-7-8.- Ba ly rượu
- 9.- Nước trắng (để bên tả ấy là Dương)
- 10 và 12.- Hai cây đèn
- 11.- Lư hương

Lời giải thích : Bông chỉ về TINH, Rượu chỉ về KHÍ, Trà chỉ về THẦN. Tinh, Khí, Thần là Tam Bửu của các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thời TÝ, NGỌ cúng rượu. Thời MỆO, DẬU cúng nước ÂM DƯƠNG.

Khi cúng phải đốt cho đủ 5 cây hương, cắm hàng trong ba cây gọi là : AN TAM TÀI, thêm hàng ngoài 2 cây nữa gọi là : TƯỢNG NGŨ KHÍ.

Về cách thức thờ phượng, Đức Chí Tôn có dạy : “*Đây THẦY giải sơ về cách thờ phượng của CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO. Tại sao Thầy lại biểu các con tạo ra “THÁNH NHÃN” mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các Tôn giáo khác ? Các con phải biết rằng : Trời là LÝ thì LÝ ấy rất thông linh bao quát Càn Khôn Thế Giới. THẦY đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con, nên chỉ thờ Thiên Nhãn là thờ THẦY.*

Tại sao Thiên Nhãn là THẦY ? THẦY có dạy trước: “*Nhãn thị chủ tâm, lưỡng quang chủ tế, quang thị thân, thần thị Thiên, Thiên giả ngã giả*”. Nhãn là trái Tim của con người. Trái Tim ấy là Tạo Hóa tức là Thần mà Thần là cái Lý Hư Vô. Lý Hư Vô ấy là Trời vậy.

Người tu hành chừng nào luyện Tinh hóa Khí, Luyện Khí hóa Thân, luyện Thân hườn Hư, thì Huyền Quang nhứt khiếu ấy mở hoát ra.

Huyền Quang như thế nào ấy là chi ? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay Nê Hườn Cung, gom trọn chơn dương chánh đạo. Hai con mắt của các con là nhục nhãn, tức là Âm với Dương, cũng như Thái Cực là Thiên Nhân, còn lưỡng quang là Nhật Nguyệt hằng soi khắp Càn Khôn, cứ tuần hoàn mãi, hết ngày đến đêm, hết đêm kể ngày, không bao giờ dứt sự hành tòn của Tạo Hóa.

THI :

“Luyện thuốc kim đơn rõ Đạo mâu,
“Thành Tiên tác Phật tại sông mâu.
“Âm Dương toàn ẩn cơ tại “MỤC”,
“Thần Khí thông linh tại thượng đầu”.

Đây THẦY giải về VÔ CỰC ĐĂNG, tức Đền Thái Cực :

“Trước khi chưa phân Trời Đất thì khí hư vô bao quát Càn Khôn, sáng soi đầy trong Vũ Trụ. Nó là một trung tâm điểm tức là Đạo. Đạo ấy mới sanh Thái Cực, hóa Lưỡng Nghi là Âm với Dương (động với tịnh). Có âm dương rồi mới hóa sanh muôn vật.

Ngon đặng các con thờ ngay chính giữa đó là giả mượn làm đặng. Phật Tiên truyền Đạo cũng do đó, các con thành Đạo cũng tại đó. Nó ngay chính giữa không lay động, xao xiển, chiếu soi khắp cả Càn Khôn. Mặt Nhật mặt Nguyệt có lúc sáng, hồi tối, chớ nó thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng không lu mờ. Nhơn vật nhờ đó mà sanh, nhờ đó mà thành, nhờ đó mà an vui, Trời Đất nhờ đó mà quang minh trường cửu, người tu hành nhờ đó mà tạo Phật, tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh. Hễ chinh qua bên tả thì thành Tả Đạo, xê qua bên hữu thì lại Bàn Môn, ngay ở giữa là Chánh Đạo. Tâm còn tính mưu thần, chước quỷ, độc ác, hiểm sâu, ấy là Bàn Môn Tả Đạo, chớ chi các con”.

Cũng với ý nghĩa trên, Hội Thánh giảng giải : -”Giữa Thiên Bàn chong một ngọn đèn luôn luôn chẳng cho tắt, gọi là “Thái Cực Đặng”, để biểu tượng nguồn cội của Trời Đất, cũng gọi là “TÂM ĐẶNG”. Ngọn đèn này soi sáng khắp Càn Khôn Vũ Trụ, không lay, không chuyển. Vạn loại nhờ đó mà sanh ra, nhờ đó mà an vui. Trời Đất nhờ đó mà quang minh, trường cửu. Người tu hành nhờ đó mà tác Phật, tác Tiên, siêu phàm, nhập Thánh.

-Phía ngoài đặt 2 cây đèn, gọi là Lưỡng Nghi Quang, tượng trưng cái lý Thái Cực sanh Lưỡng Nghi (Âm Dương), vì Thái Cực động mà sanh Dương làm Hỏa, mà Hỏa là Thần, tức là Đạo sanh Nhật. Đoạn Thái Cực tịnh mà sanh Âm, làm Thủy, mà Thủy là TINH, tức Nhật sanh Nhị.

- Giữa Lưỡng Nghi Quang đặt một Lư Hương, đốt 5 cây nhang, gọi là Ngũ Khí, vì Thủy Hỏa (Âm Dương hay Tinh Thần) hiệp lại kết thành căn bản cho Ngũ Khí.

Luận theo châu thân con người, Ngũ Khí tức là Ngũ Hành Chi Khí. Ban ngày mỗi Khí đều ở yên có chỗ; như ban ngày Kim khí ở mũi, Thổ khí ở ngoài da. Còn ban đêm, Kim khí trụ tại phổi. Mộc khí trụ tại gan. Thủy khí trụ tại thận. Hỏa khí tại tim, Thổ khí tại bao tử. Nói rõ hơn : Ngũ Hành Chi Khí thường trụ nơi Ngũ Tạng chúng ta tức Tâm, Càng, Tỳ, Phế, Thận.

Vì Ngũ Tạng hoạt động mà Ngũ Khí phải hao mòn, suy kém. Nay gặp TAM KỶ PHỔ ĐỘ, nhờ Đức Chí Tôn chỉ phép hồi quang phản chiếu cho Ngũ Khí triều tụ nơi

kiểu Huyền Quang mà siêu phàm nhập Thánh. Đó là phép “Ngũ Khí triều huyền” hay là “Triều Nguơn”.

• Luận về phép Tu Tĩnh, 5 cây nhang ấy biểu tượng 5 giai đoạn tu hành, tùy theo công đức mà nên đạo quả. Năm cây nhang ấy gọi là “Ngũ Phần Hương”, tác dụng như sau :

- 1)- **GIỚI HƯƠNG**, nghĩa là giữ trọn Giới Cấm cho thân mình trong sạch.
- 2)- **ĐỊNH HƯƠNG**, nghĩa là Thiền Định cho thân tâm an tịnh.
- 3)- **HUỆ HƯƠNG**, nghĩa là Thiền Định rồi thì phát huệ.
- 4)- **TRI KIẾN HƯƠNG**, nghĩa là phát huệ rồi gia công thêm nữa thì sẽ biết cái mẫu nhiệm của Tạo Hóa, tức là đắc Lục Thông.
- 5)- **GIẢI THOÁT HƯƠNG**, nghĩa là giải thoát luân hồi quả báo.

Về Cúng Phẩm gồm có : 1)- Một đĩa quả tử đựng 5 sắc trái cây, gọi là “Hậu Thiên Ngũ Vị” đối với “Tiên Thiên Ngũ Khí” là 5 cây nhang.

2)- Bông, Rượu, Trà, biểu tượng **TINH, KHÍ, THẦN**, gọi là Tam Bửu, tức là 3 món báu vật trong châu thân con người :Thế xác, Trí não khôn ngoan và Linh hồn, cần phải tương hiệp chằng nên để chia lìa, tiêu tán mà phải sa đọa.

Đức Chí Tôn giảng tiếp : “Còn 2 chén nước là Âm Dương (động và tịnh). Âm Dương là cơ động tịnh của Trời Đất, tức là Thần Khí của các con. Tu hành không nhờ Thần Khí lấy gì luyện đắc Thánh Thai. Trời Đất không có Âm Dương làm sao hóa sanh vạn vật. Muôn vật không có trống mái làm sao sanh sản thêm ra. Vậy Âm Dương là cái điều động tịnh của Trời Đất vậy. Âm Dương lại có thêm cái thể dụng của Âm Dương nữa là Nhật, Nguyệt, tức là Cặp Đèn Lương Nghi. Người tu hành dùng cách “Hồi quang phản chiếu” thì đắc Kim Đơn cơ tại “Mục”.

Trên có **LŨ HƯƠNG** tức là Tiên Thiên lập Đảnh, tượng Ngũ Khí, Ngũ Hành.

Dưới có **LŨ TRÂM** là Hậu Thiên an lư, hóa Ngũ Linh, Ngũ Đức. Trên đầu là Đảnh, dưới Đơn Điền là lư. **HOA QUẢ, TRÀ, TỬU** là **TAM BỬU** của các con. Ngày nào hiệp Tam Bửu là ngày đắc Đạo vậy”.

Xin trích vài đoạn Thánh giáo Đức Chí Tôn giảng dạy cách Thờ Phụng và ý nghĩa sự Thờ Phụng trên Thiên Bàn :

*“Đạo dưỡng dục vạn hành bao quát,
Đạo độ người hay sát hay sanh.
Suy cho thấu, hiểu cho rành,
Giải sơ hình thể chúng sanh bề ngoài.
Tôn chỉ Đạo CAO ĐÀI tỏ rõ,
Mượn hữu hình bày tỏ chỗ vô,
THIÊN BÀN là cái bản đồ,
Coi ngoài mà biết điểm tô trong mình.
Tuy là sự giả hình sắp đặt,
Trái trông sao thì mặt cũng in.
Người Tu phải biết giữ gìn,*

Chuẩn thẳng quĩ củ mà tìm Thiên Cơ.

Tại sao lại dạy thờ THIÊN NHÂN ?

• *Thiên Nhân là căn bản chúng sanh.*

Đó là một Đấng TRỌN LÀNH,

Một ngôi CHÚA TẾ hóa sanh muôn loài.

.....
Trời, Đất, Người, một phương một lý,

Trong mình Người Thân Khí giao nhau.

Cang Nhu, Trống Mái một màu,

Đục trong lừa lọc thì mau chóng thành.

5 Cây Nhang ngũ hành mới tượng,

Mới phân ra bốn hướng bốn phương.

Cặp Đèn là tiểu Âm Dương,

Tức là Nhật Nguyệt chiếu chương đêm ngày.

Vận hành mãi trở vạy lẫn lộn,

Soi sáng cùng chốn chốn nơi nơi.

Làm cho rục rở Đất Trời.

Người là đôi mắt ấy thời khác chi ?

Mắt thuộc Hỏa là ly Thân trụ,

Luyện thấu về cho đủ một cân.

Kim đơn nhờ hiệp Khí Thân,

Tan ra là Khí, tụ đông thành Hình.

Tinh, Khí, Thân trong mình có đủ,

HOA, TỬU, TRÀ thể dụ tam quang.

Lư Trâm để tại trước bàn,

Tiên Thiên lập Đỉnh, Hậu Càn an Lư.

(*) **Chú Thích** : Bàn Thờ Phật Mẫu chỉ có 11 món. Nghĩa là không có đèn Thái Cực. Để có ánh sáng cho ngôi thờ lúc ban đêm nên thay vào đó 1 bóng đèn từ trên nhều xuống bàn thờ gọi là "Đèn Vọng", để tránh cho đồng Đạo không hiểu lầm đèn đó là đèn Thái Cực. Tại Đèn Thờ Phật Mẫu T.T.Tây Ninh để đèn Néon phía trên Thánh Tượng Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật, nhằm mục đích cho có ánh sáng nơi bàn thờ ngoài giờ cúng. Rất tiếc, trong quyển tài liệu Thực Hành Nghi Tiết Cúng Lễ do Hội Đồng Chương Quán xuất bản năm Tân Mùi (1991). Trong bản sơ đồ Bàn Thờ Phật Mẫu lại ghi: Số 2, đèn vọng ngay chính giữa; đã gây sự hiểu lầm cho bốn Đạo tại hải ngoại. Đứng về mặt Bí Pháp, làm như vậy là thất Pháp; mà hể thất Pháp thì Phật Mẫu và các Đấng không giáng Đản được. Theo lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp: ... Không có một điều gì mà CHỈ TÔN định trong chơn giáo của Ngài, dầu Bí Pháp, dầu thể Pháp mà vô ích đâu. Ngài buộc mình làm tất có cần yếu hữu ích đó Ngài mới buộc. (Trích lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp, quyển 2 trang 154).

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm
Môn Nghi Lễ: Bài số 03

Đề Tài: **CÁC NGHI THỨC TANG LỄ TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI**

I. Ý NGHĨA CỦA SỰ CHẾT :

Người tín đồ CAO ĐÀI quan niệm rằng tất cả mọi hiện tượng diễn biến, mọi tạo vật đã hình thành trong vũ trụ trên dòng thời gian vô định, đều phát xuất từ một nguồn gốc duy nhất được con người gọi tên bằng nhiều danh hiệu khác nhau với tất cả lòng tôn kính. Nguồn gốc ấy đầy khắp trong vũ trụ, bao la, sáng suốt tột cùng, biết sáng tạo ra muôn loài vạn vật trong đó có con người.

Nguồn gốc sống linh diệu ấy người tín đồ CAO ĐÀI sùng kính qua danh hiệu ĐỨC CHÍ TÔN, có nghĩa là Đấng được tôn kính tột cùng trong vũ trụ. Đấng Tạo Hóa ấy sanh ra con người có hình thể xương thịt và có linh hồn ngự trị bên trong để điều khiển khối vật chất ấy theo những qui luật gọi là “**pháp**”. Pháp là những qui luật vận hành trong vũ trụ. Pháp vận hành nên mới có biến đổi, tạo ra sự sanh, tử của kiếp người trong khoảng thời gian và không gian hữu hạn.

Chết là hiện tượng linh hồn rời khỏi thân xác vĩnh viễn để trở về nguồn gốc ban đầu của nó là Đấng CHÍ TÔN. Khi lập Đạo CAO ĐÀI, Đức CHÍ TÔN giảng cơ dạy rằng :” *Khi chưa có chi trong càn khôn thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một THẦY và ngôi của THẦY là Thái Cực...*”.

“Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh THẦY mà ra, hễ có sống ắt có THẦY, THẦY là Cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của THẦY không cùng tận”.

“Khai Thiên Địa vốn THẦY, sanh Tiên, Phật cũng THẦY, THẦY đã nói một chơn thân mà sanh biến càn khôn thế giới và cả Nhơn loại”.

Hoặc là :”*Bởi vậy một chơn thân THẦY mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn loại trong càn khôn thế giới, nên chi các con là THẦY, THẦY là các con”.*

Vì vậy, người tín đồ CAO ĐÀI quan niệm rằng : Con người có nguồn gốc từ Thượng Đế, là Đấng CHỈ TÔN, có bản thể và cấu tạo của một tiểu vũ trụ. Chết là lúc : “ Hồn Trời hóa trở về Tiên cảnh. Xác đất sanh đến lĩnh phục hồi”.(Kinh tấn liệm).

Chết không phải là hết như nhiều người lầm tưởng. Chết là thay đổi trạng thái sống từ hình thức có thân xác. Hình thức sống này tiếp nối hình thức sống khác theo luật nhân quả, nghĩa là khi còn mang xác phàm nếu con người biết tu hành, làm lành lánh dữ thì khi chết phần tinh anh cao cấp nhất của con người gọi là Thần Thánh và ngược lại nếu con người làm điều ác, hung dữ, khi chết linh hồn sẽ sống trong trạng thái xấu gọi là ma quỷ.

II). - THỜ CÚNG TỔ TIÊN :

Tục thờ cúng Tổ Tiên của con người là một biểu lộ của lòng tưởng nhớ đến cội nguồn. Cội nguồn của con người gồm 2 phần. Phần gần gũi thấy được trong kiếp sống là cha mẹ, ông bà, đã sanh ra thân xác mình, phần xa xôi phải suy luận mới thấy được. Đấng THƯỢNG ĐẾ, là CHA chung của muôn loài vạn vật trong càn khôn vũ trụ này. Sau khi chết, phần xác của con người hư hoại, phần hồn vẫn tồn tại. Thờ cúng Tổ Tiên là để tỏ lòng biết ơn đối với linh hồn người quá cố, nó mang ý nghĩa một sự đền đáp lại món nợ đã vay của tiền nhân trên cả 2 phương diện vật chất và tinh thần. Vì vậy, trong CAO ĐÀI giáo cái chết và đời sống của linh hồn con người sau khi chết có một ý nghĩa hết sức quan trọng và còn liên quan mật thiết đối với những thế hệ con cháu bởi sự ràng buộc của luật nhân quả. ĐỨC CHỈ TÔN dạy rằng :

“ Các con là THẦY, THẦY là các con...”. Cùng một ý nghĩa đó có thể nói rằng :” Con cháu là ông bà cha mẹ, cha mẹ là con cháu”.

Sự sống phần hồn của ông bà cha mẹ tốt hay xấu có thể điều chỉnh lại được phần nào bằng việc làm của con cháu. Con cháu biết tu hành, làm điều lành sẽ ảnh hưởng tốt đối với đời sống phần hồn của ông bà cha mẹ nơi cõi thiêng Liêng. Đó là ý nghĩa của câu kinh : “Thong dong cõi thọ nương hồn. Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa”.

Câu kinh ấy là một lời dặn dò, an ủi, hứa hẹn, của con cháu đối với vong linh người vừa mới chết được long trọng đọc lên trước linh cửu, trước sự chứng kiến của thần linh và đời sống tham dự tang lễ.

Tuy nhiên đó là cái thể pháp của Đạo. Phần bí pháp là sự sống thực của tinh thần con cháu có lập đức được hay không sau khi tang lễ ấy chấm dứt lại là vấn đề khác. Một vấn đề đòi hỏi rất nhiều công đức của các thế hệ con cháu tiếp nối và sự hiểu biết sâu xa rành mạch về chơn truyền tận độ của ĐỨC CHỈ TÔN, không thể nhầm lẫn với mê tín dị đoan được.

Chúng ta đã chứng kiến qua nhiều đám xác có biết bao đứa con đầu chít khăn tang sụt sùi ngổn lộn, tiếng khóc uất-nghẹn trong khi tiếng cầu kinh của đồng nhi vang vang :” Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa”, để rồi sau khi vùi xong thi hài của người quá cố vào vòng đất lạnh họ lại tiếp tục say đuổi theo mục đích giàu sang danh vọng, chẳng còn nghĩ gì đến việc lập đức cả. Người chết có khả năng biết được tư tưởng của người sống một cách dễ dàng, và trong trường hợp đó vong hồn của cha mẹ

vừa mới mất sẽ vô cùng đau khổ về sự hững hờ của con cháu đối với mình. Điều họ cần hơn hết là khí thanh và thần an là năng lực sống của người biết tu hành, có đức độ và con cháu họ đã không đáp ứng được nhu cầu này.

III). - NGHI THỨC TANG LỄ :

Bởi quan niệm rằng con người có xác và hồn, khi chết xác hư hoại nhưng hồn vẫn tồn tại, nên các nghi thức áp dụng trong tang lễ của người tín đồ CAO ĐÀI đặt trên căn bản một cuộc tiễn đưa linh hồn người quá cố đi qua một thế giới mới khác hơn cuộc sống trần tục của chúng ta.

Nội dung của các bài kinh đọc trong suốt các diễn tiến của đám tang đều có cùng ý nghĩa là tỏ lòng thương tiếc, biết ơn đối với người đã chết, dẫn dò vong linh đừng luyến tục, luôn luôn hướng về nguồn cội của linh hồn là THƯỢNG ĐẾ để được thăng lên cõi giới an nhàn cực lạc. Những người thân trong gia đình và bạn bè của người chết tập trung cầu nguyện cho linh hồn người chết được nhẹ nhàng siêu thoát qua đời kinh cầu siêu. Đó là một phương pháp truyền năng lực sống tâm linh (gọi tắt là truyền thần) cho vong linh vừa rời khỏi thân xác cho họ có thêm sức sống trong cõi giới mới này, chẳng khác nào chúng ta tặng quà cho người đi xa vậy.

Những bài kinh ấy gồm có :

- Kinh cầu hồn khi hấp hối và chết rồi.
- Kinh tẩn liệm.
- Kinh cúng tế của người thân trong gia đình (vợ tế chồng, chồng tế vợ, con tế cha mẹ, em tế anh).
- Kinh cầu Tổ Phụ đã qui liểu.
- Kinh cúng tế của nhân bằng quyến thuộc. Đặc biệt đối với người làm nghề dạy học, các học trò cũ sẽ đọc bài kinh tế thầy, ca ngợi công ơn của vị thầy đã dạy dỗ mình nên danh phận với đời.
- Kinh cầu siêu.
- Kinh đưa linh cữu đến nơi an táng. - Kinh hạ huyệt.

Việc đọc kinh trong tang lễ của người tín đồ CAO ĐÀI hoàn toàn tự nguyện do đồng nghi thực hiện. Người tham dự có thể cùng đọc theo hay lắng nghe, hòa tâm ý vào bài kinh cũng được.

IV). - PHÉP ĐỘ THĂNG :

Trong các nghi thức tang lễ của người tín đồ CAO ĐÀI, phép độ thăng là phần sinh hoạt cao cấp nhất thuộc lĩnh vực huyền linh. Phải có Chức Sắc được thọ Bí Pháp làm phép độ thăng mới có đủ quyền năng linh hiển, thực hiện được.

Vị Chức Sắc hành pháp, phải từ phẩm Giáo Hữu trở lên, tức là Chức Sắc Thiên Phong trong hàng Thánh Thể, đã được thọ pháp, có Sắc-Ấn, nghĩa là phải có Sắc Lịnh và có đóng con dấu của vị Chương Quản Hiệp Thiên Đài ban quyền. Khi hành pháp vị Chức Sắc phải vận dụng năng lực tinh thần của chính mình truyền vào vong linh người chết một lần khí thanh và thần lực đầy an tịnh, thoát tục. Vị Chức Sắc hành pháp phải có đủ công đức mới điều động nổi khối điển quang của thần linh giúp đỡ

hữu hiệu cho vong linh. Phần này thuộc về Bí Truyền Chơn Pháp, sẽ chú giải rõ ràng hơn ở một bài viết khác.

V). - TUẦN CỬU - CÚNG GIỖ :

Thể thức độ phần hồn cho các vong linh được tiếp nối trong vòng 581 ngày sau khi chết, tuần tự diễn tiến như sau : Cứ cách 9 ngày một lần, gia đình thân nhân người chết mang linh vị đến Thánh Thất để tụng kinh, tiếp tục cầu nguyện cho vong linh được nhẹ nhàng siêu thoát. Từ tuần Cửu thứ nhứt đến tuần Cửu thứ chín, kéo dài trong 81 ngày. Sau đó ngưng lại trong 200 ngày đến Tiểu Tường và sau Tiểu Tường 300 ngày là Đại Tường.

Các bài kinh đọc trong 9 Tuần Cửu, Tiểu Tường và Đại Tường đều khác nhau, nội dung mô tả sự thăng tiến của linh hồn đến các cõi giới ngày càng thanh cao hơn. Việc đọc kinh hàm ý nhắc nhở linh hồn người chết biết mình sắp được hưởng ân huệ gì trên con đường trở về cực vị. Dĩ nhiên ân huệ ấy được mô tả theo ngôn ngữ trần gian, còn cảnh giới tâm linh, trạng thái sống không hình xác chắc hẳn có nhiều điều khác với trí người tưởng tượng.

Sau lễ Đại Tường chấm dứt thời gian thọ tang của con cháu đối với người chết. Thông thường lễ Đại Tường được tổ chức trọng thể hơn Tiểu Tường và các Tuần Cửu.

Từ đó trở đi gia đình tổ chức cúng lễ hàng năm vào ngày chết để kỷ niệm.

Ý nghĩa việc cúng tế vong linh người chết có 2 phần rõ rệt :

- Phần hữu hình là để con cháu bày tỏ lòng biết ơn, kính trọng, đối với tiền nhân và cầu xin cho linh hồn được siêu thoát.

- Phần vô hình là để thực hiện chơn truyền tận độ của Đức CHÍ TÔN. Bí quyết trong việc độ hồn là nguồn năng lực sống tinh thần của người cầu rỗi phải tinh tấn. Quyền lực của các Đấng Thiêng Liêng cao cả sẽ giúp di chuyển tính chất tinh thần này truyền đến các vong linh nặng nề ô-trược, chẳng giúp di chuyển mà các Ngài còn cho thêm trong đó để làm giảm bớt tính nặng nề ô-trược kia.

Vì vậy luật công bình thiêng liêng đòi hỏi ở “con cháu người chết phải biết tu thân lập đức”, để phần khí và thần trong nội thân họ trở nên thanh cao thánh thiện và nhờ đó qua lời cầu nguyện, tính thanh cao thánh thiện ấy được truyền đến người chết đặng bù đắp vào chỗ khiếm khuyết của vong linh”.

Nói cho dễ hiểu hơn, buổi sống chẳng may ông bà cha mẹ thiếu tu, kém đức, nên vong linh còn nặng nề luyến tục, thì nay con cháu phải tu thân, lập đức, đặng lấy công đức của mình mà dâng hiến, bù vào cho ông bà cha mẹ. Nếu không chịu lập đức, nghĩa là bản thân con cháu còn thiếu đức thì lấy đức nơi đâu mà dâng hiến ? Còn sự cầu nguyện lời kinh tiếng kệ chẳng qua là phương pháp gửi đi, truyền chuyển công đức mà thôi, cũng ví như sợi dây nối liền giữa người sống và người chết. Lấy chuyện nhỏ thế gian mà ví, muốn cho ai tiền mình phải có tiền, không có tiền lấy gì mà cho, dầu muốn cũng không được.

Tóm lại : Con cháu phải lập đức mới có đức để giúp cho ông bà cha mẹ “huần ngôi xưa” được.

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm

Môn Nghi Lễ: Bài số 04

Đề Tài: **NGHI THỨC VÀ Ý NGHĨA TỔ CHỨC LỄ NHẬP MÔN MINH THỆ CHO TÂN TÍN ĐỒ**

Bước đầu tiên để một người thường trở thành một tín đồ CAO ĐÀI là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng nó có giá trị đối với tâm linh và Hội Thánh. Nghi lễ này hầu hết các Tôn giáo khác đều có làm. Người nhập môn phải qui trước THIÊN BÀN và nói lên lời Minh Thệ của mình như sau “

“Tôi, tên tuổi, thề rằng : Từ đây biết một Đạo CAO ĐÀI NGỌC ĐẾ, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư Môn Đệ gìn luật lệ CAO ĐÀI, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục “ (TNHT. Q.1 Trg.15). Xin tạm dịch ra Anh ngữ để dùng cho những người ngoại quốc không hiểu tiếng Việt khi Minh Thệ : “My name is , years old. Swearing that : From now on, I believe only CAODAIS’s religion. Gathering all Caodais Disciples in order to keep and follow Caodais’s rules. Later, if I betray then my souls will be destroyed by Three Divine Judges”.

Nghi lễ “Nhập Môn Minh Thệ” của người tín đồ, bí pháp Đạo gọi là : **“Ký kết hòa ước Thiên Nhân”**, nghĩa là ký hiệp ước giữa Trời và Người.

Về mặt hữu hình, trước nhất nó có ý nghĩa của một lời tuyên thệ công khai rằng : Người tín đồ bằng lòng đặt mình trong kỷ luật của HỘI THÁNH. Hành động này hoàn toàn tự do, có ý thức, không ai bắt buộc mình cả. Rồi tự khép mình trong kỷ luật ấy.

Vì danh dự của tập thể, vì sự tôn trọng lời hứa đó mà các bạn Đạo, Chức Việc, Chức Sắc bề trên mới có thể và có quyền can thiệp vào đời sống tư riêng của mình, buộc phải sửa đương cho nên Hiền, nên Thánh. Đúng với lời Thánh thi của Đức CHỈ TÔN đã khuyến nhủ :” *Chẳng quản đồng Tông mới một nhà, Cùng nhau một Đạo tức cùng CHA. Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi, Dạy lẫn cho nhau dựng chữ Hòa”.*

Thoảng như mình không gia nhập Đạo CAO ĐÀI thì những người kia chỉ là xa lạ, đâu ai có quyền về đời sống của mình mà ngăn cản, khuyên bảo việc dữ, điều lành. Vả lại, chung sống với nhau trong đoàn thể, anh ngã em nâng, đâu cũng có bạn hữu là một điều lợi trước mắt, cả về mặt tinh thần lẫn vật chất. Thánh Nhơn có câu :” Tử hải giai huynh đệ” hay “Hợp quần nên sức mạnh” là vậy.

Về phương diện vô hình, là một điều tối quan trọng cần phải đặc biệt lưu tâm : Sau khi lập Minh Thệ chịu làm môn đệ Đấng CAO ĐÀI, Đức CHÍ TÔN nhưn danh Ngọc Hoàng Thượng Đế, Chúa tể cả càn khôn vạn loại, Ngài phong cho người đệ tử được vào hàng Thần vị (Địa Thần), được hưởng ân huệ “xóa bỏ tội tình tiền kiếp” để Chơn hồn người đệ tử được nhẹ nhàng nhờ sự giảm bớt sự trả vay của quả kiếp; từ nay chỉ lo lập công mà đoạt vị.

Hơn nữa, thể theo lòng đại từ, đại bi của Đức CHÍ TÔN, các Đấng Thiêng Liêng sẽ theo phò hộ, ban cho nhiều đặc ân thuộc Bí Truyền Chơn Pháp như : Phép Giải Oan, Phép Hôn Phối, Phép Giải Bệnh và ân huệ sau cùng của cuộc đời được hưởng Phép Cầu Hồn, Cầu Siêu, Phép đoạn căn tức Phép cắt 7 dây Oan nghiệt, hầu hưởng phước thanh nhàn nơi cõi thiêng liêng hằng sống.

Đã được hưởng đầy đủ quyền lợi trong kiếp sanh và sự an lạc vĩnh cửu cho linh hồn, thì lẽ đương nhiên người đệ tử CAO ĐÀI phải có trách nhiệm với Đấng CAO ĐÀI. Trách nhiệm đó Ngài không buộc chúng ta phải làm việc gì quá sức phàm, mà chỉ buộc :”**Hiệp đồng chư Môn Đệ, gìn luật lệ Cao Đài**” mà thôi.

Đừng lòng một dạ hai, có nghĩa là đừng chia phe phân phái, khuấy phá mối Đạo Trời, cản trở cơ phổ độ chúng sanh. Nếu thật tâm tu hành, không vì tư tâm ngã kiến, không vụ danh, vụ lợi, thì việc trung thành với HỘI THÁNH, với Luật Pháp Chơn Truyền, để xây dựng và bảo tồn đại nghiệp Đạo, thiết nghĩ chẳng có gì khó khăn cả.

Về phương diện Hành Chánh Đạo, sau khi lễ Minh Thệ Nhập Môn người tân tín đồ được Chức Việc Bàn Trị Sự đem tên họ ghi vào Bộ Đạo, cấp cho một Sớ Cầu Đạo tạm. Sau sáu (6) tháng tập sự làm quen với các sinh hoạt Tôn giáo như : cúng lạy, ăn chay ... nếu chứng tỏ được tinh thần hướng thiện của mình, người tân tín đồ sẽ được cấp Sớ Cầu Đạo Thiệt Thọ, thay Sớ Cầu Đạo tạm, xử dụng trong phạm vi Tôn giáo suốt cuộc đời. Đến khi chết sẽ được đốt gửi theo lễ Thượng Sớ Tân Cố, với lời ghi chú “tùng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ với chức vụ tín đồ, Chức Việc hay Chức Sắc ..v.v để linh hồn người quá cố xử dụng khi vào bái mạng Ngọc Hư Cung. Xin lưu ý : trong DI LẶC CHƠN KINH có đoạn : **“Nhược hữu chúng sanh văn ngã ưng đương thoát nghiệt, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi ...”** là vậy.

Trên Sớ Cầu Đạo mỗi tín đồ có ghi tên 2 người tiến dẫn, tức là người đã giới thiệu trong lễ Minh Thệ. Hai người tiến dẫn này có trách nhiệm suốt đời với người mới nhập môn. Sau này, nếu người tín đồ đó lập được công đức lớn, người tiến dẫn cũng chung hưởng được một phần công nghiệp; còn nếu làm điều đại tội trong cửa Đạo, có lẽ người tiến dẫn cũng phải có phần nào trách nhiệm về mặt tinh thần. Tuy luật lệ

hữu hình không ràng buộc nghiêm khắc như vậy, nhưng về mặt tâm linh quả thật có như thế. Cho nên khi đã kết nghĩa làm bạn Đạo với nhau, phải biết giữ gìn cho nhau khỏi bị sa ngã, đối xử với nhau bằng sự thành thật, tín nhiệm và hoà hiệp là những điều căn bản y như lời kinh Dâng Hương đã dạy : “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”...

Đặt vấn đề trách nhiệm tinh thần cho người tiến dẫn giới thiệu, thiết nghĩ cũng cần nhắc lại lời dạy của Đức CHÍ TÔN để quý vị tiến dẫn người nhập môn khỏi phải e-dè mà hăng hái dẫn thân vào trường công quả.

Đức CHÍ TÔN đã xác nhận rằng : Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, NGÀI đã mở một trường thi công quả cho nhơn sanh đến mà tranh thủ địa vị.

Ngài dạy :” **THẦY** *hằng nói với các con rằng : Một trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi*”. (TNHT. Q.1 Trang 34).

Rồi Ngài lại chỉ cho cách làm công quả là phải độ rỗi chúng sanh :” **THẦY** *đã đến chung cùng với các con, các con duy có TU mà đắc Đạo, phải đoái lại bá thiên vạn ức nhơn sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rỗi*”. (TNHT. Q.1 Trang 14).

Ngài lại dạy rõ :” *Ít nữa mỗi tín đồ phải độ đặng 12 người. Hễ bao nhiêu môn đệ độ rỗi của mỗi đứa thì là họ hàng của mỗi đứa . Hiểu à !*

Chừng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh thì gia tộc mỗi đứa đều phân biệt, nếu chẳng độ rỗi thì về với 2 bàn tay không”.

“ *Còn chư môn đệ đã lập minh thệ rồi ngày sau âm chất mỗi đứa mà thặng hay tội lỗi mà giáng, song buộc mỗi đứa phải độ cho đặng ít nữa là mười hai người* “ (TNHT. Q.1 Trang 42).

Còn về phương diện vô hình, khi người tín đồ lập minh thệ rồi thì sẽ được Thần linh theo phò hộ, nếu có thật tâm cải tà qui chánh. Đây là điểm hệ trọng, con người có thể đối gạt được người phàm, nhưng không thể nào đối gạt được Thần linh. Thần linh đến phò hộ chúng ta bằng sự giao cảm, nên nếu không thật tâm tu hành, dầu đã nhập môn cũng sẽ chẳng thấy một ân huệ nào cả. Vả lại, nếu không dám hứa nhập môn theo Đạo trước mặt Thần linh thì Thần linh không nhận mình làm đệ tử. Ấy là lẽ đương nhiên.

Lúc mới khai Đạo tại Càn Giuộc, có một Đàn Cơ, Đức CHÍ TÔN giảng dạy như sau :” **Quả Vương** *đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con. THẦY* *chẳng cho hành xác, chúng nó hiệp lập Tam Thập Lục Động toan hại các con, nên THẦY* *sai Quan Thánh và Quan Âm đến giữ gìn các con. Nhưng phần đông chưa lập Minh Thệ, nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận* “ (TNHT. Q.1 Trang 37).

Như vậy, chúng ta đã may duyên gặp Tam Kỳ Phổ Độ, được nhập môn minh thệ làm đệ tử của Đức CHÍ TÔN, là làm học trò của Ông THẦY TRỜI, thật là một điểm phúc vô cùng vậy.-

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm

Môn Nghi Lễ: Bài số 05

Đề Tài: **NGHI LỄ THƯỢNG THÁNH TƯỢNG VÀ THỜ CÚNG TẠI TƯ GIA**

A). NGHI LỄ THƯỢNG THÁNH TƯỢNG TẠI TƯ GIA :

Trong đề tài “**Bốn Phận Hành Chánh Đạo Địa phương Đối với Đạo và Đời**”, Hội Thánh đã định rõ bốn phận của Chức Việc Bàn Trị Sự đối với Tín Hữu theo lời dạy của Đức CHÍ TÔN như sau : “ *Các con lập phương thế nào mà nâng đỡ đức tin của môn đệ cao lên hằng ngày, ấy là công quả đầu hết* “. Và cũng có lời nhấn nhủ : “*Chức Sắc, Chức Việc phải lo lắng cho Tín Hữu cũng như anh ruột lo cho em*”.

Ấy vậy, khi chư Tín Hữu ngõ lời muốn thượng Thánh Tượng để thờ cúng tại tư gia, thì Chức Việc Bàn Trị Sự phải sớm sáng thân hành đến tư gia vị Đạo Hữu ấy xem xét vị trí thành lập Thiên Bàn, hướng dẫn mua sắm các vật dụng thờ cúng thế nào cho đúng qui cách.

Nghi lễ thượng Thánh Tượng tư gia không có kệ chuông như Thánh Thất. Trước khi nhập đàn, chỉ cần đánh 3 tiếng chuông như để thông báo đồng Đạo chuẩn bị vào sắp hàng. Vị Chức Việc phụ trách Lễ Vụ lo đốt nhang, rót rượu, nước, xếp đặt bông trái dâng Tam Bửu và Sớ Điệp cho đầy đủ. Kế đánh 3 tiếng chuông nhì nhập đàn. Sau khi cúng, dâng Sớ và bái đàn xong, vị Chức Việc Chủ lễ nói vài lời khuyến khích gia chủ và đồng Đạo, đại ý tóm lược sau đây :

Thiên Liêng cho *Hôm nay là ngày Kiết Nhứt Lương Thân, chúng ta thiết lễ thành lập Thiên Bàn thượng Thánh Tượng Thiên Nhân trấn an gia đình, thực hiện sự tự do tín ngưỡng tại tư gia của Hiền Huynh và Hiền Tỷ*

Nhơn danh Chánh Trị Sự, Đầu Hương Đạo Tiểu phẩm thành tâm cầu nguyện Ôn Trên gia hộ cho gia đình của nhị vị và toàn thể quý quyến được hưởng nhiều Hồng Ân của Đức Chí Tôn và Chư Thiên Liêng, được an ninh hạnh phúc, vạn

sự như ý, hầu tiên bước trên con đường Thánh đức, lập công bồi đức, đoạt phẩm vị thiêng liêng.

Từ nay, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đã an vị nơi Thiên Bàn tại tư gia, thì hằng ngày nhậm vị và các thành viên trong gia quyến tùy hoàn cảnh và phương tiện, chọn giờ giấc thích hợp thường xuyên kính thành, cúng bái.

Đức Hộ Pháp có dạy :” Cúng Tứ Thời là phương pháp nuôi dưỡng Chơn Thần cho tinh tấn, cũng như thể xác chúng ta cần phải nuôi dưỡng hằng ngày bằng thực phẩm mới được tráng kiện sống lâu”.

Việc này Đức Quán Thế Âm cũng có dạy :” Các em phải lo cúng kiến thường :

- 1). Một là tập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng đặng xán lạn.
- 2). Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Phụ tha thứ tội tình của các em và cả chúng sanh.
- 3). Ba là có tế lễ thì tâm mới có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.
- 4). Bốn tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhất là khiếu lương tri, lương năng của các em nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ”.

Nhân đây, Tiểu phẩm xin nhắc chú Huỳnh, Tỷ, gia đình nào chưa thiết lập Thiên Bàn, nếu xét thấy được cũng nên thiết lập để tiện việc tín ngưỡng. Chúng ta không nên ngần ngại cho rằng nhà chật hẹp không có chỗ xứng đáng để thờ. Đức Chí Tôn có dạy :

“ Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Đâu cần trần thế dựng cao ngôi.
Sang hèn trôi kệ tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi”.

(Trên đây là bài mẫu dùng để hướng dẫn, các Bạn tùy tiện sử dụng. Không bắt buộc phải học thuộc lòng nói y như vậy).

B). THỜ CÚNG TẠI TƯ GIA CÓ ÍCH LỢI GÌ CHO NGƯỜI TÍN ĐỒ ?

Điểm khó khăn hơn hết trong vấn đề thờ cúng không phải là những nghi lễ tế tự phức tạp hay các lời kinh bằng chữ Hán khó hiểu, khó nhớ ... Thoạt nhìn người ta có cảm nghĩ như vậy, nhưng nghi lễ đâu phức tạp đến đâu vẫn có thể quen được như một tập tục, lời kinh dù khó đến đâu đọc mãi cũng thuộc. Đó là hình tướng bên ngoài ai cũng làm được. **Chính nội dung, tác dụng của lời kinh tiếng kệ, những giây phút trầm tư mặc tưởng ấy có ích lợi gì cho bản thân ta khiến người Tín đồ phải thực hành những nghi lễ ấy, đó mới là trọng hệ.** Đây là điểm đệ nhất khó khăn trong đời sống của người Tín đồ vì nó thuộc về mặt “**tâm pháp bí truyền**”.

Trong một đàn cúng có đông người tham dự, thường thì chỉ có một số rất ít người có thể cảm nghiệm được một nguồn năng lực sinh động, một cái gì lung linh huyền diệu trong “**cõi sống thật**” đang phủ trùm lấy họ từ bên ngoài cả đến bên trong thân xác. Một khi cả xác thân lẫn tâm hồn đã đắm mình trong dòng sinh lực ấy, người Tín đồ đã thực sự đứng trước ngưỡng cửa của một thế giới không thuộc về “**cõi người ta**” nữa. Nguồn năng lực vô biên ấy không thể tả được, nhưng chỉ cần một chút xúu thôi

cũng đủ làm cho những kẻ bướng bỉnh nhất trên thế gian này thay đổi cuộc sống của họ một cách trọn vẹn. Nhưng không phải ai ai cũng dễ dàng khám phá được.

Một khi đã thật sự sống trong thế giới Thần Tiên ngay bên cạnh *“cõi người ta”* này thì người Tín đồ không còn tâm trạng sợ hãi nữa, trái hẳn với sự tưởng tượng của những kẻ mà đời sống đắm chìm trong tục lụy, ngồi ở đây tưởng tượng về vờ ra *“thế giới bên kia”* mà thực họ chưa từng sống ở đó một phút giây nào cả.

Tôi xin nhắc lại lời nói Thánh Giăng cách đây gần hai ngàn năm :

“Người nào đã cảm giác được cái tình thần thiêng liêng của Đức Chí Tôn không thể làm lẫn, nghi ngờ hoặc phủ nhận nó. Ôi ! Thế gian, ví như các người có đồng thanh phủ nhận Ngài, ta thà từ bỏ thế gian và giữ vững đức tin của ta” (Chơn sư và Thánh Đạo, Leadbeater. Nguyễn Hữu Kiệt dịch).

Các bậc chơn tu xưa nay đã nói rất nhiều về đời sống Thần Thánh này, nhưng khổn nỗi chính các Ngài cũng không có quyền muốn đem cho ai thì cho *“nguồn sống vạn năng”* ấy dù chỉ một chút xíu thôi. Đó là một định luật tất yếu trong càn khôn vũ trụ.

Các Ngài sẵn sàng cho khối gia tài thiêng liêng ấy đến tất cả mọi người, nhưng mà nắm lấy được hay không là do ở chính mình. Thành thử kết quả sau cùng là các Ngài không trọn quyền ban cho ai tùy thích được. Đó là một định luật công bình, của báu không bán nài và cũng chẳng phải của riêng ai được quyền nắm giữ dù họ là giáo chủ đi nữa.

Thờ cúng là một trong những cách làm cho thần trí của người Tín đồ quen chú định để dắt dẫn thân xác đến gần thế giới của thần linh. Rồi đến một lúc nào đó cả hành vi, tư tưởng, lời nói của người Tín đồ đã hiển hiện là những *“người Thần, người Thánh”*, thì tự nhiên cánh cửa *“thế giới vô hình”* sẽ mở hoát ra như một định luật của hữu vô đồng nhất mà người Đạo giáo thường gọi là thể pháp và bí pháp tương liên mật thiết với nhau.

Thần, Thánh, Tiên, Phật không phải là những vị mà con người có thể cầu khẩn, van xin hay đút lót của hối lộ theo kiểu thường làm ở thế gian.

Nghi lễ thờ cúng chỉ là những hình thức biểu lộ bên ngoài của một nội tâm kính trọng và ý muốn cầu thân cùng các Đấng Thiêng Liêng. Dấu hiệu tỏ lộ bên ngoài có thể bắt chước được.

Hình tướng bên ngoài ấy dùng để dắt dẫn tâm linh nên nó phải thay đổi cho phù hợp với phong tục tập quán và trình độ tấn hóa của con người. Nghi lễ các đạo giáo vì vậy phải khác nhau mới thích ứng được với mọi người, chớ còn bên trong, cái khổ, cái sướng hay niềm an lạc trong tâm hồn của con người thì tự cổ chí kim ai cũng như ai. Thực hành những nghi lễ thờ cúng là để tìm về chỗ thuần nhất ấy, và khi đạt đến rồi thì người không còn phân cách với người nữa, người cũng không còn phân cách với Trời, Phật, Thần, Thánh nữa. Đó là lý do sau cùng khiến người Tín đồ phải để tâm đến việc thờ cúng vậy.

Sự ngộ nhận ở chữ nghĩa trong kinh điển về lời cầu khẩn, vái van, xin tha thứ tội tình, đã làm cho người ta tưởng chừng như các Đấng Thiêng Liêng cũng có nhân cách, biết thương yêu, ghét giận như phàm nhân vậy.

Sự thật không phải thế. Chẳng phải vì lời cầu khẩn, những tiếng nói xin xỏ ấy thốt ra mà các Đấng thương tình tha thứ, nhưng chính vì tâm hồn của con người trong giờ phút ấy đã mở rộng cửa đón nhận các Đấng Thiêng Liêng, mà các Đấng thì hàng có mặt khắp nơi, nên khi mở cửa tâm hồn thì đương nhiên gặp, tức là cảm ứng được. Cũng ví như bầu sương lam đang phủ trùm cả núi rừng, bác tiểu phu mở cửa lều thì tự nhiên sương tràn vào.

Tại hành động mở cánh cửa ra, chớ không phải tại lời nói của bác tiểu rằng : **“tôi mở cửa”**, tại cái **“khoảng trống”** không còn ngăn cách giữa phần trong nhà và bên ngoài mà sương tràn vào và cái nhà đầy sương. Sương và nhà lúc bấy giờ là một. Sương ở trong nhà và nhà ở trong sương.

Ấy vậy, thờ cúng không phải là việc mê tín hay dấu hiệu của những tâm hồn yếu hèn mà mê tín, yếu hèn là tại mình hiểu sai và làm sai vậy.

Cho nên sự thành tâm và đúng cách, nghĩa là đúng pháp, rất cần thiết cho việc thờ cúng, bằng chẳng vậy thì dầu có cúng lạy suốt đời cũng chỉ làm mọi cho khỏi nhang, cũng hoài công vô ích.-

* * *

THI VĂN DẠY ĐẠO

*Dã nhiều danh lợi bước đua tranh,
Nhọc xác lao tâm hỏi có thành ?
Ác lối rọi tan lần gió bụi,
Nguyệt lờ soi gương bước công khanh.
Đường tu ví sớm noi gương rạng,
Cội phúc mai sau hưởng quả lành.
Mộng ảo trò đời đâu mấy chốc,
Ngựa qua cửa sổ cuộc tan tàn.*

&&

*Dặm dài bước lạ nẻo chưa quen,
Tánh chất dầu trao gấm chẳng hèn.
Bóng trái dim đà xuân đợi chúa,
Tiết nông thơ thói hạ khoe sen.
Nhành dương nước rưới tan lòng tục,
Nguồn Thánh Đạo đìu lại cõi Tiên.
Phước gặp kỳ ba Trời phổ độ,
Mau chơn rón lướt tới rùng thiển .-*

XXXXX

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm

Môn Nghi Lễ: Bài số 06

Đề Tài: PHÉP ĐỘ THĂNG VÀ CẮT 7 DÂY OAN NGHIỆT

Trong các pháp Bí Truyền của Tôn giáo Cao Đài, “Phép Độ Thăng, Cắt 7 Dây Oan Nghiệt” là pháp mà ĐỨC CHỈ TÔN dùng để ban ân huệ lần cuối cùng của kiếp sanh người đệ tử Ngài.

TẠI SAO PHẢI CẮT 7 DÂY OAN NGHIỆT CHO NGƯỜI CHẾT ?

Sự sống của con người do nơi Khí Sanh Quang (Fluide de vitalité) nuôi nấng.

Khí Sanh Quang thường tụ tại 7 khiếu (Phật giáo gọi là 7 Luân Xa) trong cơ thể con người; nhờ 7 khiếu sanh quang làm nên điển lực để nuôi sống thể xác.

Còn điển lực thì thể xác còn hoạt động; dứt điển lực thì thể xác không còn hoạt động được nữa, nghĩa là chết.

Chúng ta ai cũng hiểu rằng : kể từ ngày điển lực bị giảm hao thì cơ thể con người bị bệnh hoạn, đau đớn, khổ sở, kéo dài cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng. Nếu kiếp sanh không tu hành đắc Đạo, Chơn Thần người chết sẽ bị 7 dây oan nghiệt buộc ràng không thể thoát ra khỏi thi hài, phải chịu vùi nông theo thi hài xuống lòng đất lạnh. Nhiều người chết mà năng lực sanh quang hầy còn, chỉ còn mảy mún thôi. Nhưng sự mảy mún ấy nó làm dây điển lực truyền sự đau đớn của thi hài với tâm hồn. Sự đau đớn ấy quá sức phạm tình để hiểu.

Điều nên biết là : trong lúc thi hài bị xình thú, nức nở tiêu hủy, vùi ăn, mà Chơn Thần thoát ra không khỏi, rồi phải chịu sự đau đớn, khổ sở ấy kéo dài cho tới xương tàn, cốt rụi mới thôi. Ấy là một hình phạt Thiêng Liêng oai nghiêm cho quả kiếp đáng ghê sợ của con người.

Thấu hiểu được sự đau đớn, thảm khổ của quả kiếp chúng sanh là dương nào, nên Đức Phật Thích Ca mới liệt cái chết vào trong Tứ khổ là : “Sanh, Lão, Bệnh, Tử”.

Vì ĐỨC CHÍ TÔN biết lẽ ấy là một lẽ đày đọa con cái của Ngài, nên lập Tam Kỳ Phổ Độ lần này là cơ tận độ, Ngài nhứt định dùng huyền diệu pháp cốt 7 mỗi dây năng lực gọi là Thất Khiếu Sanh Quang, phàm ngữ gọi là 7 dây oan nghiệt ấy, đặng cho Chơn Thần xa lìa xác tục, rồi dùng diệu pháp đưa Chơn Thần (cũng gọi là chơn hồn) vào cõi Hư Linh, gọi là độ thăng, cho Chơn Thần đặng siêu thoát mới rõ ràng là cơ tận độ.

Ấy vậy, làm phép độ thăng cốt yếu là tắm gội xác tục và chơn hồn với giọt nước Cam Lồ, cắt đứt 7 dây oan nghiệt cho chơn hồn lìa khỏi xác thân nương theo Chơn Linh (tức linh hồn) vào cõi hư linh, nghĩa là vào Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, Tứ Đại Bộ Châu và Tam Thập Lục Thiên, thăng tiến về Bạch Ngọc Kinh, Linh Tiêu Điện đúng với câu :” *Kinh Bạch Ngọc muôn lần diễn chiếu. Kêu chơn hồn vịn níu chơn linh*”. (Kinh khi đã chết rồi).

Vì vậy, trong các nghi thức tang lễ của người tín đồ Cao Đài “**Phép Độ Thăng là phần sinh hoạt cao cấp nhất thuộc lãnh vực huyền linh và rất khó thực hiện**”.

Trước nhất nó đòi hỏi người chết phải có một đời sống tu hành, tối thiểu giữ đặng giới luật 10 ngày chay trong một tháng một cách nghiêm chỉnh và thứ đến phải có Chức Sắc đã được thọ Bí Truyền Chơn Pháp độ thăng có đủ quyền năng linh hiển mới thực hiện được.

Vị Chức Sắc hành pháp phải truyền vào vong linh người chết một lần khí thanh và thần lực đầy an tịnh, thoát tục, lấy từ năng lực tinh thần của chính mình và số người tham dự cầu siêu có thành tâm và có đời sống tu hành tương đối tốt mới đem lại kết quả mong muốn. Nếu mời cho đông người tham dự cầu siêu mà tâm đức của họ không ra gì thì chẳng giúp ích chi cho vong linh người quá cố.

Khi xác tục và Chơn Hồn được tắm gội bởi giọt nước Cam Lồ và cắt 7 dây oan nghiệt xong, phút chốc vong linh người chết cảm thấy mình được nhẹ nhàng, thanh thoát và sáng suốt hơn trạng thái sống trước đó. Đây là sự thay đổi trạng thái tâm linh của chơn thần người chết nhờ vào tha lực. Dĩ nhiên phải có thần linh giáng ngự trên chơn thần và thể phách của vị Chức Sắc hành pháp để hỗ trợ cho động tác độ thăng được linh hiển. Nhờ người hành pháp có đầy đủ công đức và năng lực tinh thần mới điều động nổi khối điển quang của thần linh và khối người cầu siêu, giúp đỡ hữu hiệu cho vong linh.

Phương pháp này chỉ là sự giúp đỡ một phần nào cho vong linh người chết được nhẹ nhàng siêu thoát, chớ tự nó không phải là một phép mầu xóa bỏ được tất cả mọi tội tình oan nghiệt trong kiếp sanh của kẻ ấy.

Hành trang của chơn thần mà người chết mang theo là nghiệp quả của cả kiếp sống họ đã nghĩ và hành động theo hướng nào, hoặc thiện hoặc ác, giờ đây họ phải gánh chịu, không thể chối bỏ được.

Thăng hay đọa là kết quả của cả kiếp người. Làm phép xác cắt bảy dây oan nghiệt độ thăng là để giúp thêm sức cho chơn thần dễ dàng thăng tiến, cũng ví như một khách đi tới một ngã ba đường đang khát nước được giúp cho một bát nước cho mát

dạ, còn sự đói no ấm lạnh của họ trong suốt cuộc hành trình là do túi hành trang, lương thực mà họ mang theo đầy hay vơi.

Mặc dầu vậy, nhưng phép độ thẳng cũng giúp cho Chơn hồn người chết trước nhưt là được nhẹ nhàng lia khỏi xác tục, tử như luật pháp ở thế gian, người phạm tội được Luật Sư lãnh ngoại hầu tra thông thả một thời gian khỏi bị giam cầm, chùng nào Tòa xử án, chùng ấy phạm nhân mới phải chịu thọ hình.

Đọc bài kinh đệ Cửu Cửu có câu :” *Cung Bắc Đẩu xem căn quả số. Học triều nghi vào ở Linh Tiêu. Ngọc Hư Cung sắc lệnh kêu. Thường, phong, trừng, trị phân điều dọa thẳng*”. Như vậy, chơn hồn về đến Ngọc Hư Cung rồi, nếu có tội cũng phải trở lại phạm gian trả quả theo đúng luật công bình Thiêng Liêng Tạo Hoá. Như lời Đức Lý Giáo Tông đã dạy :” *Mũi kim chẳng lọt xưa nay hẳn. Biết sợ xin khuyên cần thận mình*”.

Điều cần lưu ý : Như đoạn trên đã nói “Phép Độ Thẳng là phần sinh hoạt cao cấp nhất thuộc lĩnh vực huyền linh và rất khó thực hiện”; vì vậy nơi nào không có Chức Sắc thọ pháp, thì Chức Việc Bàn Trị Sự và đồng Đạo thành tâm cầu nguyện mà thôi, không nên vì chút hư danh học đòi làm phép nầy nọ, chẳng những không giúp được chút gì cho vong linh người quá cố mà còn đắc tội nhạo báng điều cốt với HỘ PHÁP và các Đấng Thiêng Liêng, tránh sao khỏi tội Thiên Điều hành phạt !

Đôi hàng nhấn nhủ : Mọi vật sanh sản ở thế gian đều đời đời và tiêu tan trong nháy mắt, theo luật tự nhiên “hữu hình hữu hoại”. Cái mà ta cho là thật, thì chỉ thật trong khoảnh khắc mau lẹ, trong một sát-na (khsana) mà thôi. Đời người cũng như thế, như bóng chớp, như mưa sa, như cây vẹt, như mớ tan, vừa thấy đó đã không còn.

Thế cuộc chẳng qua như một khúc nợ cháy mà ta quây, quây riết một hồi thì nó thành vòng lửa. Ấy là một cái hiện tượng, hiện tượng liên tiếp. Cảnh đời cũng như thế. Bao nhiêu những khoảnh khắc liên tiếp nhau, kéo níu nhau làm cho ta ngỡ rằng có một cuộc thế bền bỉ, chớ có bền bỉ gì đâu ? Chẳng qua là hiện tượng phỉnh phờ, giả tạo mà thôi. Mình chấp có thì thấy nó còn liên tiếp, mình chấp không thì nó dứt ngay. Đã biết Đời là giả cuộc, kiếp người là phù du. Vậy ta cần nghĩ suy tìm về nơi chơn thật là Đạo. May duyên gặp mới Đạo Trời khai mở khá nông nã lập đức bồi công đoạt phẩm vị nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống mới thật là nơi trường tồn vĩnh cửu. Xem bài **Kiếp Sanh Giả Tạm của Nam Hải Quan Âm** dưới đây để suy gẫm :

Khán đắc phù sinh nhưt thế không,

Diễn viên sản nghiệp diệt giai không.

Thê nhi phụ tử chung ly biệt,

Phú quý công danh tổng thị không.

Cổ ngữ vạn bang đô thị giả,

Kim ngôn bá kế nhưt trường không.

Tiền tài thu thập đa tân khổ,

Lộ thượng huỳnh tuyến lương thủ không.

Dịch nghĩa :

Thương bấy người đời không vẫn không, Ruộng vườn nhà cửa có như không.

Vợ con cha mẹ lâu rồi chết,

Danh lợi giàu sang rốt cuộc không.

Trăm khéo ngàn khôn toàn giả tạm,

Muôn mưu ngàn kế thấy huờn không.

Suốt đời lo lắng gây cơ nghiệp,

Nhắm mắt hai tay vẫn phủi không. -

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm

Môn Nghi Lễ: Bài số 07

Đề Tài: **NGHI THỨC CÚNG ĐẠI ĐÀN TẠI THÁNH THẤT CÓ LỄ NHẠC**

- A). Tùy theo số lượng Lễ-sĩ hiện diện, cách sắp xếp Lễ-sĩ mặc lễ phục như sau :
- Khi chỉ có 06 Lễ-sĩ hiện diện, thì các Lễ-sĩ mặc sắc phục cùng một màu xanh .
 - Khi có đủ 08 Lễ-sĩ hiện diện, thì các Lễ-sĩ mặc theo Tam Thanh như sau :
- a)- Hai Lễ-sĩ Chấp-sự (hầu Ngoại Nghi), mặc Lễ phục phái Ngọc (màu đỏ).
 - b)- Bốn Lễ-sĩ Đàng và Đài (điện Lễ phẩm), mặc Lễ phục phái Thượng (màu xanh).
 - c)- Hai Lễ-sĩ Tiếp-Lễ (hầu Nội Nghi), mặc Lễ phục phái Thái (màu vàng).
- B). Khi điện Lễ phẩm, các Lễ-sĩ đứng chữ Bát (/\), khoát chữ Tâm (☺).
- C). Đúng 12 giờ (Ngọ hay Tý), sau khi các Lễ-sĩ vào bái lễ Đức Chí Tôn xong, thì chia ra đứng vào vị trí đã qui định.
- D). Hai Lễ-sĩ Chấp-Sự bắt đầu xướng theo thứ tự dưới đây để điều hành buổi lễ :

01 .- TỊNH TỨC THỊ LẬP .

Mọi người trong Chánh Điện bắt đầu giữ sự yên tĩnh, không khua động điều chi.

02 .- CHẤP SỰ GIẢ, CÁC TƯ KỶ SỰ .

Các vị có phận sự như : 2 vị Chức Việc hầu Bát Quái Đài, Kiểm Đàn, Đồng Nhi, Nhạc sĩ, v.v. vào bái lễ Đức Chí Tôn. Bái lễ xong, thì ai về vị trí nấy để chuẩn bị hành lễ.

03 .- LÔI-ÂM CỔ, KHỞI .

Khởi đánh trống Lôi-Âm, tức là dùng tiếng Trống Lôi-Âm để tạo Ngọc Hoàng Sấm, thúc giục các Chơn hồn lên đường về Trời, theo ý nghĩa của câu Kinh Đệ Thất Cửu : “Lôi-Âm trống thúc lên đường thượng Thiên”.

Cách đánh Lôi-Âm Cổ được phân định như sau :

a) Khởi đầu, điểm nhẹ 03 tiếng, rồi kệ 04 câu Kệ Lôi-Âm dưới đây, sau mỗi câu đánh một tiếng lớn :

*“ Lôi-Âm Thánh Cổ triệt Hư Không,
Truyền tấu Càn Khôn thế giới thông.
Đạo Pháp đương kim đương Chánh Giáo,
Linh Quang chiếu diệu Ngọc-Kinh Cung”.*

b) Kế tiếp, điểm nhẹ 12 tiếng nhỏ, cùng một lượt niệm 12 chữ, câu chú của Đức CHÍ TÔN : **NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.**

c) Đánh tiếp 432 tiếng lớn của Bài Kệ Ngọc-Hoàng Sấm, chia làm 3 CHẬP, mỗi CHẬP 12 HỒI, mỗi HỒI 12 Dùi.

Sau mỗi CHẬP, ngừng lại khoảng 20 đến 30 giây.

Trong mỗi HỒI, đánh 10 tiếng đầu theo nhịp đều đặn, 02 tiếng chót đánh nhạc lại.

CHẬP đầu đánh lời, nửa đầu của CHẬP thì cũng đánh lời, nửa sau của CHẬP thì đánh nhạc dần lại. CHẬP thứ ba, thì thúc nhanh hơn cho đến dứt.

d) Sau cùng hồi lại 03 tiếng.

04 .- BẠCH-NGỌC CHUNG, MINH.

Khởi động Chuông Bạch-Ngọc, tức là tạo tiếng Chuông Bạch-Ngọc Kinh mà cảnh tỉnh chốn Phong Đô rằng : Đức ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỔ TÁT đang mở cửa Ngục phóng thích các Cô-Hồn đang bị trầm luân. Đây là lần thứ ba vận chuyển Ánh Kim-Quang hiện ra để dẫn dắt các Âm-Hồn biết sám-hối sẽ được rời khỏi chốn đọa đày tối tăm.

Cách thức động Chuông Bạch-Ngọc cũng tuân tự như đánh Trống Lôi-Âm. Khởi đầu, điểm nhẹ 03 tiếng, rồi kệ 04 câu Kệ Bạch-Ngọc Chung dưới đây, sau mỗi câu đánh một tiếng lớn :

*“Thần-Chung thính hướng phóng Phong-Đô,
Địa-Tạng khai môn phóng-xá cô.
Tam-Kỳ vận chuyển Kim-Quang hiện,
Sám-hối âm-hồn xuất u-đồ”.* (*)

Khi tiếng Chuông ngừng lại sau CHẬP thứ nhất, thì Lễ -sĩ Chấp-Sự xướng câu thứ 05 dưới đây để mời Chư Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu nhập Đàn.

05 .- CUNG THÀNH THỨ TỰ, CHỨC SẮC NHẬP ĐÀN .

Xướng xong thì các vị Kiểm-Đàn ra hiệu mời Chư Chức Sắc và toàn thể bước vào Chánh Điện. Từ trong góc ra, Nam đi bên trái, Nữ đi bên phải.

Chư Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu xếp hàng đi vào Thánh Thất, hai tay bắt ấn Tý, từ ngoài đi vào theo thứ tự Chức Sắc đi trước, đến Chức Việc và Đạo Hữu sau hết. Phần Đạo Hữu thì lớn đi trước nhỏ đi sau. Vào trong Chánh Điện, thì sắp thành hàng dọc theo hai bên vách, Lễ-sĩ Chấp-Sự mới xướng câu thứ 06 dưới đây :

06 .- NỘI NGHỊ, NGOẠI NGHỊ, TỰ VỊ .

Lễ-Vụ khắc 03 tiếng Chuông nhỏ, 2 vị quì Nội-Nghị (tức vị Chứng Đàn) và Ngoại-Nghị, đều xá và bước vào vị trí, mặt nhìn thẳng lên Thiên Bàn. Lễ-sĩ Chấp-Sự xuống tiếp câu thứ 07 dưới đây :

07 .- THIÊN PHONG DĨ HẠ, CÁC TƯ KỶ VỊ .

Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu còn lại xá Đàn (Nam, Nữ xá nhau) rồi bước vào sắp thành các hàng ngang, mặt nhìn lên Thiên Bàn cho trang nghiêm. Kiểm-Đàn chỉnh đốn lại hàng lối cho ngay ngắn. Xong rồi Lễ -sĩ Chấp-Sự mới xuống câu thứ 08 dưới đây :

08 .- NHẠC TẤU HUÂN THIÊN .

Nhạc đánh Chiêng Trống tiếp giá Đức CHÍ TÔN và Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Mọi người đều đứng nghiêm chỉnh yên lặng tại vị trí của mình, cố gắng giữ tâm hồn cho yên tĩnh.

09 .- NGHỆ HƯƠNG ÁN TIỀN .

Nhạc đờn bài Hạ, 4 Lễ-sĩ Đàng và Điện sắp vô Nghi-Ngoại, đứng ngang chỗ quì Ngoại-Nghị, chuẩn bị điện Hương.

10 .- GIAI QUÌ .

Trống đổ 03 hồi trong khi 4 Lễ-sĩ Đàng và Điện quì xuống. Cùng lúc đó, Lễ-Vụ khắc 03 tiếng chuông cho toàn Đàn xá Đức CHÍ TÔN 03 xá và đồng quì xuống một lượt. Trống dứt.

11 .- PHÂN HƯƠNG .

Vị quì Ngoại-Nghị cầm bó Hương (05 cây đã đốt), xá 03 xá, rồi đặt lên đĩa trên Đài của Lễ-sĩ bưng Đài bên tay phải của mình. Nhạc đánh thét rồi đổ 03 hồi cho Lễ-sĩ Đàng và Đài đứng lên, phân ban. Trống dứt.

12 .- ĐIỆN HƯƠNG .

Nhạc vô đờn Nam-Xuân. Trống châu nhịp tư cho Lễ-sĩ điện Hương (đi đúng 11 bước vào đến Nội-Nghị). Bước thứ 12 xoay mặt vô, đối diện nhau. Lúc này 02 Lễ-sĩ Tiếp-Lễ (nếu có đủ 08 Lễ-sĩ) hoặc 2 vị Chức Việc hầu Bát Quái (khi chỉ có 06 Lễ-sĩ) đi xuống cùng đứng thẳng hàng và quay mặt vô như 4 Lễ-sĩ Đàng và Điện. Xong rồi, Lễ-sĩ Chấp-Sự mới xuống câu 13 dưới đây. Trong khi điện Hương, Đồng Nhi không có thái chi cả .

Lưu ý : 4 Lễ-sĩ điện Lễ phẩm đi thế nào mà khi đủ 11 bước, thì cặp Đài đến ngang vị quì Nội-Nghị để tiện việc trao Lễ phẩm cho vị này .

13 .- QUÌ .

Nhạc đánh thét. 4 Lễ-sĩ Đàng và Đài cùng 02 Lễ-sĩ hầu Nội-Nghị hay 02 vị Chức Việc hầu Bát Quái cùng lấy bộ quì xuống một lượt và vị Lễ-sĩ bưng Đài Hương trao Hương cho vị quì Nội-Nghị. Xong rồi, Lễ-Vụ mới khắc chuông cho toàn Đàn lấy dấu và niệm 5 câu Thỉnh Thánh :

Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng (cúi đầu).

Nam Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát (cúi đầu).

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát (*cúi đầu*).

Nam Mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (*cúi đầu*).

Nam Mô Hiệp-Thiên Đại-Đế Quan-Thánh Đế- Quân (*cúi đầu*).

Nam Mô Chư Phật, Chư Tiên, Chư Thánh, Chư Thần (*cúi đầu*).

Trống dứt, vị quì Nội-Nghi đưa bó Hương về ngang ngực của mình.

14 .- THÀNH KÍNH NIỆM-HƯƠNG CHÚ .

Nhạc vô đờn Nam-Ai. Đồng-Nhi đọc bài “**Kính Niệm Hương**”. Đến câu “*Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra*”, vị quì Nội-Nghi mới từ từ đưa bó Hương lên ngang chân mày của mình (*tức là cử án tề mi*). Dứt bài Kính Niệm Hương, vị quì Nội-Nghi xá 03 xá và đặt Hương trở lại trên Đài, để Lễ-sĩ bưng Đài chuyển qua cho Lễ-sĩ Tiếp-Lễ hoặc vị Chức Việc hầu Bát Quái Đài. Xong, Lễ-sĩ Chấp-Sự mới xướng câu thứ 15 dưới đây.

15 .- THƯỢNG HƯƠNG .

Trống đánh thét, đổ 03 hồi, tất cả 06 Lễ-sĩ cùng đứng lên, quay mặt lên Thiên Bàn, 02 Lễ-sĩ Tiếp-Lễ đi thẳng lên Bát Quái Đài, chuyển cho 02 vị Chức Việc hầu Bát Quái, rồi trở lại vị trí hầu Nội-Nghi (khi thiếu Lễ-sĩ Tiếp-Lễ, thì 02 vị hầu Bát Quái đã nhận Hương, đứng lên một lượt với 04 Lễ-sĩ Đãng và Điện, rồi đi thẳng lên Bát Quái Đài). Hương thì cắm vào Lư Hương trên Thiên Bàn, còn Lư Trầm thì đặt trên Bàn Nội-Nghi. Trong lúc Lễ-sĩ Tiếp-Lễ đi lên Bát Quái Đài như trên, thì Trống đánh nhịp thúc cho 04 Lễ-sĩ Đãng và Đài sang bộ đổi vị trí để cặp Đãng đi trước cặp Đài (lượt về). Trống dứt. Các Lễ-sĩ Đãng và Đài trở lại bàn Ngoại-Nghi. Xong, Lễ-sĩ Chấp-Sự mới xướng tiếp câu thứ 16 dưới đây :

16 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban. Lễ-Vụ khắc chuông cho toàn Đàn-nội lạy Đức CHÍ-TÔN 03 lạy theo tiếng chuông của Lễ-Vụ . Mỗi lạy gật đầu 04 gật và mỗi gật niệm câu chú của Thầy : **Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**, một lần .

17 .- THÀNH KÍNH TỤNG KHAI KINH CHÚ .

Nhạc đờn giọng Nam-Ai. Đồng-Nhi tụng bài “**Khai Kinh**”.

18 .- THÀNH KÍNH TỤNG NGỌC-HOÀNG KINH .

Nhạc đờn giọng Nam-Xuân. Đồng-Nhi tụng bài “**Kinh Ngọc-Hoàng Thượng Đế**”.

19 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban trong khi toàn Đàn-nội lạy Đức CHÍ-TÔN 03 lạy theo tiếng chuông của Lễ-Vụ. Mỗi lạy, gật đầu 04 gật và mỗi gật phải niệm câu chú của Đức CHÍ-TÔN : **Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**, một lần.

20 .- THÀNH KÍNH TỤNG PHẬT GIÁO TÂM KINH.

Nhạc đờn giọng Nam-Xuân. Đồng-Nhi tụng bài “**Thích Giáo**”, **Nhiên Đăng Cổ Phật chí tâm qui mạng lễ**.

21 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban trong khi toàn Đàn-nội lay 03 lay theo tiếng chuông của Lễ-Vụ. Mỗi lay, gật đầu 03 gật và mỗi gật phải niệm :”**Nam Mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**”.

22 .- THÀNH KÍNH TỤNG TIÊN GIÁO TÂM KINH .

Nhạc đờn giọng Nam-Xuân. Đồng-Nhi tụng bài “**Tiên Giáo**”, Thái Thượng chí tâm qui mạng lễ.

23 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban trong khi toàn Đàn-nội lay 03 lay theo tiếng chuông của Lễ-Vụ. Mỗi lay, gật đầu 03 gật và mỗi gật phải niệm :”**Nam Mô Thái Thượng Đạo Tổ, Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn**”.

24 .- THÀNH KÍNH TỤNG THÁNH GIÁO TÂM KINH .

Nhạc đờn giọng Nam-Xuân. Đồng-Nhi tụng bài “**Nho Giáo**”, Khổng Thánh chí tâm qui mạng lễ.

25 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban trong khi toàn Đàn-nội lay 03 lay theo tiếng chuông của Lễ-Vụ. Mỗi lay, gật đầu 03 gật và mỗi gật phải niệm :”**Nam Mô Khổng Thánh Tiên Sư, Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn**” .

26 .- CUNG HIẾN TIÊN HOA .

Nhạc xây đờn bài Hạ. Bốn Lễ-sĩ Đấng và Đài sắp vô Nghi-Ngoại, đứng ngang chỗ vị quì Ngoại-Nghi, chuẩn bị điện Tiên Hoa.

27 .- QUÌ .

Nhạc đổ, 04 Lễ-sĩ Đấng và Đài đồng quì xuống. Nhạc dứt.

28 .- CHỈNH TIÊN HOA .

Vị Ngoại-Nghi bưng bình Hoa (Tam Bửu) xá 03 xá, trả lại cho Lễ-sĩ bưng Đài.

Nhạc đổ. Lễ-sĩ Đấng và Đài đồng đứng lên. Nhạc dứt.

29 .- ĐIỆN TIÊN HOA .

Nhạc đờn giọng Đảo Ngũ Cung. Trống chầu nhịp tư cho Lễ-sĩ điện Tiên Hoa, cùng lúc đó Đồng-Nhi thài “**bài dâng Hoa**”. Lễ-sĩ Đấng và Đài bước đứng 12 bước như lúc điện Hương. Các Lễ-sĩ hầu Nội-Nghi hoặc các Chức Việc hầu Bát Quái cũng làm y như lúc tiếp Hương vậy.

30 .- QUÌ .

Nhạc đánh thét. Bốn Lễ-sĩ Đấng và Đài cùng 02 Lễ-sĩ hầu Nội-Nghi hoặc 02 vị Chức việc hầu bát Quái, cùng lấy bộ quì xuống. Nhạc dứt. Lễ-sĩ bưng Đài Hoa trao Hoa cho vị quì Nội-Nghi. Vị này bưng bình Hoa đưa lên trán cầu nguyện (toàn Đàn cũng chấp tay lên trán cầu nguyện theo) như sau :”**chúng con xin dâng cả mảnh hình-hài của chúng con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng**”. Vị quì Nội-Nghi bưng bình Hoa xá Chí Tôn 03 xá, rồi đặt bình Hoa trở lại trên Đài của vị Lễ-sĩ, để vị này trao cho vị Lễ-sĩ Tiếp-Lễ.

LƯU Ý : Đức Hộ Pháp có dạy rõ rằng : chỉ một mình vị Chứng Đàn dâng Bửu chính, tức là bình Hoa, còn đĩa Trái cây (Bửu phụ) vẫn để y trên Đài của Lễ-sĩ, thì Lễ-sĩ

Điện Lễ phẩm trao một lược cho 02 vị Lễ-sĩ Tiếp-Lễ. Dù có vị Chức Sắc đồng phẩm quì kế bên cũng không dâng Bửu phụ. Cách thế y như 3 vị Chánh Phối sư 3 Phái dâng Tam Bửu tại Đền Thánh vậy. Mỗi Bửu, chỉ có vị Phối Sư liên hệ dâng Bửu chánh mà thôi. Chánh Phối Sư Phái Ngọc tiếp lấy bình Hoa lên đứng phía sau ngai của Ngọc Chưởng Pháp ngó ra Hiệp Thiên Đài đưa cao ngay trán trình cho Chức sắc và Tín Đồ biết để dâng lời cầu nguyện.

Khi dâng Rượu thì vị Chánh Phối Sư Phái Thượng tiếp lấy chung Rượu lên trình như Ngọc Chánh Phối Sư, nhưng đứng sau ngai Giáo Tông.

Khi dâng Trà thì Chánh Phối Sư phái Thái tiếp lấy chung Trà lên trình như Ngọc và Thượng Chánh Phối Sư, nhưng đứng phía sau ngai Thái Chưởng Pháp.

Phải làm y như vậy, không được sửa cải, thêm bớt mà mang trọng tội.

31 .- THƯỢNG TIÊN HOA .

Nhạc đổ. Tất cả Lễ-sĩ đứng lên. Trong lúc Lễ-sĩ Tiếp-Lễ đi lên Bát Quái Đài trao bình Hoa và Quả-phẩm cho 02 vị Chức Việc hầu Bát Quái đặt lên Thiên Bàn, thì Trống đánh nhịp thúc cho 04 vị Lễ-sĩ Đãng và Đài sang bộ đổi vị trí để cặp Đãng đi trước cặp Đài (bận về). Trống dứt, Các Lễ-sĩ Đãng và Đài trở lại bàn Ngoại-Nghi. Xong, Lễ-sĩ Chấp-Sự mới xướng câu thứ 32 dưới đây :

32 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban. Lễ-Vụ khắc chuông cho toàn Đoàn-nội lạy Đức CHỈ TÔN 01 lạy, gập đầu 04 gập, mỗi gập niệm câu chú của THẦY :”**Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**”.

33 .- CUNG HIẾN TIÊN TỬU .

Nhạc cùng các Lễ-sĩ Đãng và Đài lập lại các động tác y như lúc dâng Hoa.

34 .- QUÌ .

Trống và các Lễ-sĩ Đãng và Đài lập lại các động tác y như lúc dâng Hoa.

35 .- CHƯỚC TỬU .

Vị quì Nghi Ngoại bưng bình rượu rót ra ly (9 phần 10 ly, tượng trưng cho Cửu Thiên Khai Hóa), xong bưng ly rượu xá 03 xá, đặt trở về Đài của Lễ-sĩ bưng Đài. Nhạc đổ. Lễ-sĩ Đãng và Đài đồng đứng lên. Nhạc dứt.

36 .- ĐIỆN TIÊN TỬU .

Nhạc và Lễ-sĩ lập lại các động tác y như tuần điện Tiên Hoa. Đồng-Nhi thài “**Bài dâng Rượu**”.

37 .- QUÌ .

Nhạc, các Lễ-sĩ và vị quì Nội-Nghi cùng toàn Đoàn lập lại các động tác y như tuần Tiên Hoa. Toàn Đoàn cầu nguyện như sau :”**Chúng con xin dâng cả tinh thần và trí não của chúng con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng**”.

38 .- THƯỢNG TIÊN TỬU .

Nhạc và Lễ-sĩ lập lại các động tác y như tuần Tiên Hoa.

39 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban và toàn Đạo lạy y như tuần Tiên Hoa.

40 .- CUNG HIẾN TIÊN TRÀ .

Nhạc và Lễ-sĩ lập lại các động tác y như tuần Tiên Hoa.

41 .- QUÌ .

Nhạc và Lễ-sĩ làm động tác y như tuần Tiên Hoa.

42 .- ĐIỂM TRÀ .

Vị quì Ngoại-Nghi bưng bình Trà rót vào tách đựng Trà (**8 phần 10 của Tách, tượng trưng cho Bát Hồn Vận Chuyển, vì Trà là Linh Hồn**). Nhạc và các Lễ-sĩ lập lại các động tác y như tuần Tiên Hoa.

43 .- ĐIỆN TIÊN TRÀ .

Nhạc và Lễ-sĩ lập lại các động tác y như tuần Tiên Hoa. Đồng-Nhi thài “**Bài Dâng Trà**”.

44 .- QUÌ .

Nhạc, các Lễ-sĩ và vị quì Nội-Nghi cùng toàn Đoàn làm các động tác y như tuần Tiên Hoa. Toàn Đoàn nguyện như sau : “**Chúng con xin dâng cả Linh Hồn của chúng con cho CHÍ TÔN dùng phương nào thì dùng. Cả Hình hài, cả Tinh thần Trí Não và cả Linh Hồn của chúng con là do THẦY đào tạo, đó là của THẦY thì do nơi quyền hành độc đoán của THẦY định**”.

45 .- THUỢNG TIÊN TRÀ .

Nhạc và Lễ-sĩ lập lại động tác y như tuần Tiên Hoa.

46 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban. Toàn Đoàn lạy CHÍ TÔN y như tuần Tiên Hoa.

47 . SỞ VĂN THUỢNG TẤU .

Nhạc đờn bài Hạ. Cặp Lễ-sĩ bưng Đãng, theo sau là vị Chức Việc đọc Sở, cùng đi thẳng lên Nội-Nghi. Cặp Đãng dừng lại ngang vị Chứng Đàn. Cùng lúc đó hai vị Lễ-sĩ hầu Nội-Nghi cũng thỉnh Phong Sở và Lư đốt Sở từ trên bàn Nội-Nghi đi xuống sắp phía trên và thẳng hàng với cặp Lễ-sĩ bưng Đãng.

48 .- QUÌ .

Nhạc đổ, các Lễ-sĩ và vị Chức Việc đọc Sở cùng quì một lượt. Nhạc dứt. Vị Chứng Đàn nhận phong Sở từ vị Lễ hầu Nội-Nghi, cầm phong Sở xá 03 xá nguyện :” **Nam Mô Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Mô Ngọc Hư Cung, Nam Mô Linh Tiêu Điện**”(Nghĩa của 03 hàng chữ Nho ngoài bao Sở). Đoạn rút lá Sở trao cho vị Chức Việc đọc Sở, xong vị Chứng Đàn dâng bao Sở lên ngan trán (*cử án tề mi*) và tịnh Thần dâng lời Sở.

49 .- THÀNH KÍNH ĐỌC SỞ VĂN .

Nhạc đánh thét, rồi dứt. Vị Chức Việc khởi đọc Sở Văn. Đọc xong trả lá Sở lại cho vị Chứng Đàn trả vào trong bao Sở. Vị Chứng Đàn nguyện Sở, xá 03 xá.

50 .- CUNG PHẦN SỞ VĂN .

Hai Lễ-sĩ bưng Đãng, chụm hai ngọn đèn lại với nhau cho vị Chứng Đàn đốt cả Phong Sở. Xong, vị Lễ-sĩ bưng Lư đốt Sở, đưa Lư đến cho vị Chức Sắc Chứng Đàn đặt lá Sở đang cháy vào Lư.

51 .- CÚC CUNG BÁI .

Nhạc đánh thét rập ban. Toàn Đoàn lạy CHÍ TÔN 03 lạy, mỗi lạy gật đầu 04 gật, mỗi gật phải niệm danh Đức Chí TÔN :”**Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**”.

52 .- THÀNH TÂM TỤNG NGŨ NGUYỆN .

Nhạc đờn giọng Nam-Xuân. Đồng-Nhi tụng “Ngũ Nguyên”.

“Nam mô Nhứt nguyện : Đại Đạo hồng khai . v.v...”

53 .- CÚC CUNG BÁI .

Toàn Đoàn lạy Đức CHÍ TÔN y như sau khi dâng Sớ.

54 .- HÙNG BÌNH THÂN .

Nhạc đánh thét rập ban. Toàn Đoàn đồng đứng dậy. Lễ-Vụ khấn chuông cho toàn Đoàn xá Đức CHÍ TÔN 03 xá, rồi quay ra sau xá Bàn Thờ Chử Khí một xá.

LƯU Ý : Khi toàn Đoàn quay ra sau xá Bàn Thờ chữ Khí, bất luận Nam hay Nữ đều phải quay về phía tay trái. Như vậy mới hợp với lý vận hành của Vũ Trụ và Vạn Vật.

55 .- CUNG THÀNH THỨ TỰ PHÂN LẬP LƯỞNG BAN .

Tất cả Chức Sắc, Chức Việc và Đạo Hữu đã quì cúng, đứng ra hai bên Chánh Điện như lúc mới vào Chánh Điện.

56 .- HIỆP THIÊN ĐÀI CHỨC SẮC NHẬP NỘI NGHI .

LƯU Ý : Khi có Chức Sắc Hiệp Thiên Đài dự cúng, mới xướng câu này.

Chức Sắc, Chức Việc cùng toàn Đạo đứng hầu Đoàn vào lạy. Sau cùng mới đến Nhạc, Lễ, Đồng Nhi vào lạy Đức CHÍ TÔN và các Đấng Thiêng Liêng.

* Đến đây là Phần Thuyết Đạo của Chức Sắc (nếu có).

* **Bãi Đàn** : Lễ-Vụ đến động đại hồng chung bãi Đàn và kệ các câu chú như sau :

“Đàn tràng viên mãn Chức Sắc quy nguyên, vãng mộc từ ân phong điều võ thuận.

(đánh một tiếng đại hồng chung).

“Thiên Phong hỡi chúng quốc thối dân an, hồi hướng đàn trường tận thâu pháp giải. (đánh một tiếng đại hồng chung).

“Án đà ra đế dạ ta bà ha” . (đánh một tiếng đại hồng chung).

Chờ xong kệ Bãi Đàn. Lễ-Vụ đánh 03 tiếng chuông bãi đàn. Tất cả nghiêm trang xá Đoàn, đoạn theo thứ tự ra về. (Người phía trong ra trước, ngoài ra sau, y như trật tự khi vào). Xong, Lễ-sĩ Chấp-Sự xướng câu thứ 57 dưới đây để chấm dứt :

57 .- LỄ THÀNH.

(*) . Trường hợp Thánh Thất không có Trống và Đại Hồng Chung, thì miễn dùng Lôi-Âm Cổ và Bạch-Ngọc Chung, chỉ dùng 02 Bài Kệ dưới đây với Chuông thường :

- **Kệ lần thứ nhứt** :” Văn chung khấu hương huệ trường càn khôn” (dọng một tiếng chuông).

“ Pháp giải chúng sanh đồng đẳng bỉ ngạn” (dọng một tiếng chuông).

“ Án đà ra đế dạ ta bà ha “ (dọng một tiếng chuông).

- **Kệ lần thứ hai** : ”Nhứt vi u - ám tất giai văn” (dọng một tiếng chuông)

“ Nhứt thiết chúng sanh thành chánh giác” (dọng một tiếng chuông).

“ Án đà ra đế dạ ta bà ha”

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm
Môn Nghi Lễ: Bài số 08

Đề Tài: **CHÚ GIẢI PHÉP HÔN PHỐI**

Phép Hôn Phối là Bí Pháp của Đức Chí Tôn ban ân cho con cái của Ngài trong đời sống hôn nhân. Bí Pháp này có tác dụng về mặt “**Thần quyền**”, là giải trừ bớt những mầm móng xung khắc đã có sẵn trong tâm hồn của 2 người do tiền khiên nghiệp chướng của họ gây ra từ nhiều kiếp trước ; giờ đây sẽ có cơ hội vay trả lẫn nhau trong đời sống vợ chồng.

Những mầm móng xung khắc này có thể khó nhận thấy, vì trong buổi đầu cuộc yêu đương, sự bông bột của tình yêu có thể lấn lướt và làm lu mờ tất cả các yếu tố khác. Khi yêu nhau thắm thiết, người ta tha thứ cho nhau và chịu ý nhau một cách dễ dàng, sẵn sàng kềm chế những thói hư tật xấu của chính mình để làm vừa lòng người yêu. Thế nhưng sau một thời gian chung sống, sự bông bột buổi đầu không còn nữa khi sự thật đã hiện nguyên hình, thì những xung khắc có cơ hội nổi dậy làm thành một cuộc trả vay, khốc cười lẫn lộn ngay trong đời sống yêu đương, tạo mầm móng đổ vỡ gia đình, lầm lức đưa cả hai đến chỗ thất Đạo.

Tác dụng của “**Phép Hôn Phối**” là giải trừ bớt nghiệp quả xấu của đôi vợ chồng, gọi là sự “**ban ơn**”, là “**sự ân xá**” của Đức Chí Tôn cho người đệ tử của Ngài, thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhiều người tín đồ không hiểu rõ về tác dụng “**Thần quyền**” này, lại không có đức tin vững mạnh, nên không mấy chú trọng đến “**Phép Hôn Phối**” trong ngày sinh lễ và cho đó là một nghi phép phiền phức, không cần thiết. Họ chỉ quan tâm đến việc tiếp tân, đến tiệc tùng, đến lời chúc tụng và sự vui đùa mà thôi. Đó là một sự thiệt thòi lớn lao trong kiếp sanh của họ mà họ không biết, chỉ vì không hiểu Đạo, vì thiếu Chức Sắc Thiên Phong lãnh đạo tinh thần tại địa phương giáo hóa, cho nên Đức CHÍ TÔN phải than : “*Đạo khai trễ một ngày, là một ngày hại cho nhơn sanh !*”.

Đức CHÍ TÔN vì thể đức háo sanh, dụng lòng bác ái ân xá tội tình của họ để tạo cho họ có một mái ấm gia đình, an lòng lập công đoạt vị, mà họ lại khước từ ân huệ ấy qua hành động từ chối “**Phép Hôn Phối**”, và để gì có cơ hội thứ hai khi dịp may kia đã lỡ rồi.

Chú giải về “**Huyền Pháp**” đặc biệt này, Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) giảng cơ cho Thánh giáo như sau : “*Cả cơ thể hữu vi của Tạo Hoá, từ Càn Khôn Thế Giới cùng vạn vật đến loài người, đều do khối lửa Thái Cực mà sanh ra. Khối Thái*

Cực chỉ là một khối lửa. Khối lửa ấy vì nhờ vật chất trong Càn Khôn Thế Giới chụm vào càng ngày càng lớn, lớn quá sức lớn, nên chẳng còn trụ nguyên làm một dạng nữa mà phải phân đôi. Hai khối phân đôi ấy chạy kích nhau và xây tròn nơi không trung mau lẹ quá cọ nhau biến hình ra như 2 cây. Thoạt nhiên 2 cây ấy xấp nhau mà thành chữ Thập, giống in như chong chóng của trẻ em thường làm. Chong chóng ấy xoay tròn rất mau, từ Đông qua Tây, và vì sự vụt động quá lẹ, 4 cái đuôi chữ Thập ấy liền cuốn theo mà thành ra chữ “Vạn” . Những cuống đuôi chữ “Vạn” ấy đứt, liệng lửa cùng trong thế giới thành ra địa cầu (Tam Thiên thế giới và Thất Thập nhị địa cầu). Ấy cũng là những đóm lửa của Thái Cực đã giăng ra nguội lẩn mà thành địa cầu.

2 không khí ấm lạnh do nhiệt (Calorie) của Thái Cực, hàn (Froid) của Càn Khôn tương khắc, biến thành Nguơn Khí. Cái Nguơn Khí ấy chứa đầy đầy sanh quang. Khí Sanh Quang (Fluide de Vitalité) lại biến thành ra muôn hình vạn tượng mà tạo thành vạn vật toàn Càn Khôn thế giới. Thật sự Thái Cực chỉ sanh Tứ Tượng gọi là Tứ Dương; nhưng bởi vận động giữa không trung mau chóng quá đổi mới biến bóng hình thêm 4 cánh. 4 cánh ấy chỉ là “bóng”, nên gọi là “Tứ Âm”. Nhưng nhờ “Tứ Âm” ấy vốn là 4 khoảng trống để cho “Sanh Quang” ra vào, biến đổi, mới có linh cảm hình tượng vạn vật trong Càn Khôn, rồi Đức Chí Tôn dùng huyền diệu thiêng liêng hóa sanh ra vạn vật.

Chúng ta giăng 2 tay ra và chụm 2 chân lại thì thành ra chữ Thập, gọi là Tứ Dương. Hiệp lại với hình thể của đàn bà là Tứ Âm, tức Âm Dương tương hiệp thì mới đủ Bát Quái, mới mở ra cơ sanh hoá. Cho nên : Nam là Tứ Dương, Nữ là Tứ Âm.

Mục đích “Hành Pháp Hôn Phối” là phối hiệp Tứ Dương và Tứ Âm, làm cho tinh thần đôi bạn phối ngẫu hòa hợp, biến hóa hơn nữa, sản xuất thêm nữa, chẳng phải sanh hình thể của đứa trẻ mà thôi, mà còn tạo sanh cả Hôn Phách của chúng nó nữa “.

Bởi vậy, khi hành Lễ Hôn Phối, chàng rể và cô dâu vào quì giữa Bửu Điện trên hết mọi người, đầu cho cha mẹ cũng phải quì sau. Quyển pháp ấy Đạo chỉ coi RỂ là Tứ Dương, Dâu là Tứ Âm của Tạo Hóa, ngoài như luân và nhưn tình, Hội Thánh chẳng biết chi khác nữa.

Điều tối quan trọng là khi hành pháp Hôn Phối, vị Chức Sắc thọ pháp phải chú tâm thi hành đúng Bí Truyền Chơn Pháp; nghĩa là sau khi vẽ phù, niệm chú đầy đủ, đợi chừng “Thiên Nhãn” giáng ngay “Nê Hoàn”, chụm trên thân 2 bàn tay ngay “Thiên Nhãn” và đỡ nó lên lưng bàn tay cho hiệp 2 “Thiên Nhãn” ấy lại kề nhau, đoạn đỡ hình tượng của CHÍ TÔN day lại ngay “Thiên Nhãn” mà cho nhập chung vào đó. Khi cho nhập rồi thì để hình tượng ấy yên tịnh nơi Thiên Nhãn, đứng cầu nguyện xin Đức CHÍ TÔN ân tứ cho đôi trẻ kết thành chồng vợ. Đoạn ngó ngay lên Thiên Nhãn của CHÍ TÔN định thân trực “Thiên Tượng” ấy ra, day lại lửa “Thiên Tượng” ấy ngay đầu 2 trẻ trả lại như xưa, một cách an tịnh để tạo ảnh hưởng tốt cho đôi tân hôn; đừng để sơ suất có khi đưa đôi trẻ đến chỗ điên loạn. Sau chót, vị Chức Sắc hành pháp đứng trước mặt đôi tân hôn, đọc bài thi”**ÂN TƯ HÔN**” của Đức Chí Tôn dạy làm phép hôn phối.

Đoạn trên là phần chú giải tầm mức quan trọng của “Phép Hôn Phối và cách thức hành pháp”. Xét thấy tại hải ngoại hiện nay rất khiếm khuyết Chức Sắc đủ điều kiện thi hành Bí Truyền Chơn Pháp, thường lệ 2 Họ đưa đôi trẻ đến Thánh Thất để cầu nguyện sông rồi về, thành thử lễ Cầu nguyện, về hình thức kém phần long trọng. Do đó nhiều gia đình không mấy quan tâm đến Lễ “Cầu Nguyện Hôn Phối”.

Soạn thảo phần hướng dẫn Chức Việc Bàn Trị Sự cách thức tổ chức lễ **“CẦU NGUYỆN HÔN PHỐI”** tại Thánh Thất dưới đây, khi nơi địa phương không có Chức Sắc Hành Pháp,

mục đích là để bỏ túc phần khiếm khuyết đã nói trên và để duy trì nghi thức của Đại Đạo tại hải ngoại hiện nay :

LỄ CẦU NGUYỆN HÔN PHỐI :

Khi 2 Họ đưa Tân Lang và Tân Giai nhân đến, vị Chánh Trị Sự chủ lễ mặc Đạo phục ra tận cửa Thánh Thất đón và hướng dẫn vào đứng trước Thiên Bàn, chờ mọi người đứng tề chỉnh xong, Lễ Vụ đánh chuông làm lễ như thường lệ. Lễ cầu nguyện xong tất cả đứng dậy. Hai Họ đứng ra phân thành lưỡng bang, chỉ trừ Dâu, Rể đứng nguyên tại chỗ. (Lưu ý Rể và Dâu quì trên hết, sau lưng vị Chủ Lễ).

Lễ “Cầu Nguyện Hôn Phối” bắt đầu : Vị Chủ Lễ bước vào đứng trước mặt Dâu, Rể . Lúc này nếu đôi tân hôn muốn tặng nhẫn cưới cho nhau, thì trao cho vị Chủ Lễ. Vị Chủ Lễ tiếp nhận đoạn day mặt vô Thiên Bàn cầm hộp nhẫn đưa lên trán cầu nguyện, rồi day mặt trở lại trao cho Dâu Rể tự đeo vào ngón tay cho nhau.

Lễ trao nhẫn chấm dứt, Lễ Vụ đánh chuông cho Dâu, Rể xá 3 xá rồi quì xuống. Vị chủ lễ ra lệnh cho đôi tân hôn, 4 tay nắm chéo lẫn nhau. Tay trái của Nam nắm lòng bàn tay mặt của Nữ (kéo về bên mình). Tay mặt của Nam nắm lòng tay trái của Nữ, thành ra ấn Bát Quái. Nhớ để bàn tay Nam nằm úp trên bàn tay Nữ, cánh tay Nam nằm trên cánh tay Nữ, nắm chắc lại nhau. Vai kề vai, đầu kề đầu. Đoạn chủ lễ ra lệnh đồng nhi đọc bài kinh Hôn Phối: “Cơ sanh hoá Càn Khôn đào tạo, Do Âm Dương hiệp đạo biến thiên”.....

Đọc kinh xong, vị chủ lễ đọc bài thi tứ hôn của Đức CHÍ TÔN dưới đây :

“Thiên ân thụ nhứt tử thành hôn.

Mản thế bất ly thế dữ hôn.

Đạo đức nhứt tâm tu đạo cáo.

Chủ trung thị ngã chí Thiên Tôn”.

Tạm dịch :

Ngày nay Đức Chí Tôn ân tứ cho kết thành chồng vợ,

Suốt kiếp thể xác và linh hồn không phân chia.

Cùng nhau một lòng giữ gìn đạo đức.

Để các người được gần Thượng Đế.

Tiếp theo vị Chủ lễ nói lời “Chúc Hôn”, đại ý :

“Ngày nay 2 đạo hữu đã được Đức CHÍ TÔN ân tứ kết thành chồng vợ, đó là sứ mạng thiêng liêng cao cả, tiếp nối cơ sanh hóa, thay Trời tạo thế, giữ gìn như luân.

Từ đây, đôi bạn phải giữ tròn đạo nghĩa : Chồng hay trọn nghĩa, Vợ hiền trọn trinh. Cho hay đã cùng gánh chung tình hòa ái, thì phải lo cho vẹn vẻ tào khang, trăm năm kết chắc chữ đồng, hữu hạnh, hữu phúc, truyền kế không ngừng, dài dòng cả họ, nương nơi quyền Thiêng Liêng của Chí Tôn hầu tiến hóa trên đường Thánh Đức. Nói tới đến già, đồng tịch, đồng sàng, đồng lao, cộng hưởng. Lời tuyên hứa của đôi bạn trước Đức Chí Tôn trong ngày hôn lễ hôm nay thì linh hồn của đôi bạn sẽ chung chịu ảnh hưởng với nhau trọn cả kiếp sanh, và quyền Hội Thánh định không đặng lìa nhau cho đến trọn đời. Nếu như đôi lứa phản nhau, có lẽ phải bị sa đọa phong đô định tội. Lời khuyên nhủ này xin nhị vị khá lưu tâm”.

Khi nói lời “Chúc Hôn” xong, vị Chủ lễ với nắm 2 cánh tay ngoài của Nam và Nữ đỡ đứng dậy, sắp 2 mặt giao nhau, dặn họ đừng buông tay ra, xây cho hai trẻ cập nhau, đừng xây lưng mà khổ cho hai trẻ. Sau hết ra lệnh cho Lễ Vụ đánh chuông bãi đàn. Vị Chủ lễ cho phép hai trẻ buông tay rồi mình xen vào giữa 2 tay nắm cánh tay hai trẻ diu tiến ra cửa Thánh Thất, rồi từ tạ trở vào. (Lúc này, vị Chủ lễ có thể chụp hình chung với 2 Họ để lưu niệm). -

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm
Môn Nghi Lễ: Bài số 09

Đề Tài: NGHI THỨC THỜ KÍNH CỨU HUYỀN THẤT TỔ

A). - NGHI THỨC THỜ KÍNH CỨU HUYỀN THẤT TỔ :

Căn cứ theo quyển “Tài Liệu Thực Hành Nghi Tiết Cúng Lễ Của Đạo” do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (Hội Đồng Chưởng Quản) ấn hành năm 1991, thì nghi thức thờ kính Cửu Huyền Thất Tổ tại hậu đường Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu, được ấn định như sau :

a). - Nghi Thờ Tại Hậu Điện Thánh Thất :

Hậu Điện Thánh Thất còn gọi là Thiên Phong Đường, căn giữa Hậu Điện có lập nghi thờ chư “**TIÊN LINH**”, sắp đặt như sau :

- 1.- Long vị viết chữ Nho : Hàng giữa chữ lớn “ **CHÚ TIÊN LINH** “.
 - Phía trên hai bên viết : “ **Cung Thỉnh** “.
 - Phía dưới hai bên viết : “ **Chi Vị** “.
- 2.- Đền vọng (ngay chính giữa, khi nào *có cúng mới đốt*).
- 3.- Dĩa trái cây .
- 4.- Bình bông .
- 5 - 9.- Chung trà .
- 6 -7-8.- Ba ly rượu .
- 10 - 12 - Cặp đèn nghi .
11. -Lư Hương (cắm 3 cây hương khi cúng) .

Nơi bàn chư “**TIÊN LINH**” có dựng một cặp “**Lộng Màu Vàng**” .

Hai bên bàn thờ chư “Tiên Linh” đặt 2 bàn nghi, để cúng tế vong linh, khi bốn Đạo đến xin làm Tuần Cửu, Tiểu, Đại Tường .

Nghi này không có Long vị, chỉ vẽ tranh sơn thủy, hoặc Mai, Lan, Cúc, Trú, cho trang trọng, không để hình ảnh nào nơi đây .

Cũng sắp sẵn đĩa chưng trái, bình bông, lư hương, ly rượu, 1 chung trà, cặp đèn nghi . Khi làm Tuần Cửu đến phần Thế Đạo, thì để Linh vị của người quá cố tại đây, Nam theo Nam, Nữ theo Nữ, khi cúng tế xong thì đem Linh vị về thờ ở tư gia hoặc nơi khác, chớ không thể để Linh vị thường xuyên nơi nghi này .

b). - Nghi thờ tại hậu điện Điện Thờ Phật Mẫu địa phương :

Nơi hậu điện Điện Thờ Phật Mẫu địa phương chỉ lập một bàn thờ “ **TAM THIÊN QUÂN** “ (Phước, Lộc, Thọ), đặt nơi căn giữa, viết chữ Nho như ở hậu điện Báo Ân Từ. Cách sắp đặt trên bàn thờ này cũng giống như bàn thờ “Chư Tiên Linh” hậu điện Thánh Thất .

B). - GIẢI THÍCH Ý NGHĨA 4 CHỮ CỬU HUYỀN, THẤT TỔ :

CỬU HUYỀN : Cửu Huyền là Chín đời. Khi thờ Cửu Huyền là ý nói mình là cháu chín đời, thờ các bậc Tổ Tiên trước mình.

Còn khi nói **Cửu Tộc** là ý nói bà con dòng họ 9 đời.

Cửu Huyền và Cửu Tộc liên hệ mật thiết với nhau, vì cả hai cùng một nguyên lý.

Cho nên, hệ thống Cửu Huyền cũng chính là Cửu Tộc, mà hệ thống Cửu Tộc cũng chính là Cửu Huyền. Do đó sách xưa có nói rằng : “*Bốn thị Cửu Tộc tức hệ thống Cửu Huyền*”.

Khi thờ phượng, phải nói là Cửu Huyền chớ không thể nói là thờ Cửu Tộc, bởi vì thờ Cửu Huyền là thờ những vị Tổ thuộc 9 đời trước mình, đã sanh ra dòng họ nhà mình; còn Cửu Tộc thì chỉ là bà con dòng họ trong 9 đời.

THẤT TỔ : Thất Tổ là 7 ông Tổ. Tổ là những vị có công khai sáng ra dòng họ mình buổi đầu tiên. Thường nói là Tổ Tông hay Tông Tổ.

Tông là người kế chí thuật sự noi theo ý chí của người trước mà lập qui mô cho người sau, gọi rằng truyền kế lửa hương muôn đời.

Cho nên sách Lễ Ký có viết rằng : “*Tổ hữu công, Tông hữu đức*”. Nghĩa là : Tổ thì có công, Tông thì có đức.

Nho giáo thời xưa qui định cách thờ Tổ Tiên có thứ bậc từ dân cho đến vua như sau :

- Sĩ và thứ dân chỉ được thờ tới Nhứt Tổ, tức là chỉ thờ cha mẹ mình mà thôi.

- Các quan Đại Phu được thờ tới Tam Tổ, tức là thờ : Cha mẹ, ông bà Nội, ông bà Cố .

- Các vua Chư Hầu thì được thờ tới Ngũ Tổ, tức là thờ : Cha mẹ, ông bà Nội, ông bà Cố, ông bà Sơ, ông bà Sờ (Tiên Tổ).

- Hoàng Đế (Thiên Tử) thì thờ tới Thất Tổ, tức là thờ bậc cha mẹ lên đến ông Tổ thứ 7 là Thất Tổ.

Thánh Giáo Đức CHÍ TÔN có dạy về thờ cúng Cửu Huyền Thất Tổ :

Thờ cúng Cửu Huyền Thất Tổ là kính trọng các bậc tiền nhân tổ tiên trong buổi sanh tiền đã dày công giáo hóa, chỉ bảo công việc làm ăn, dạy bảo cử chỉ hành động sao cho được tốt đẹp, hợp đạo lý, để phát huy sự nghiệp và làm rạng rỡ Tông Tổ .

Đức CHÍ TÔN có giảng dạy về Cửu Huyền Thất Tổ trong bài Thánh ngôn sưu tập sau đây :

“ THẦY, Các con :

Con chưa rõ Cửu Huyền, Thất Tổ,
Thầy vui lòng chỉ chỗ chưa rành,
Kể từ phụ mẫu sơ sanh,
Cũng nhờ Tổ đức lập thành chánh chơn.
Người chưa rõ nguồn cơn trong đó,
Nên để đuôi đành bỏ rã rời,
Từ con lên đó 5 đời,
Từ con xuống đó 4 đời chia ra.
Trong số ngũ (5) sót ra làm 9,
Chiết mình con là định trung hòa,
Trước con là gọi mẹ cha,
Sau con, kế đó nó là cháu con.
Tới bậc cháu Huyền tôn là 9,
Cháu Huyền tôn là chính Cửu Huyền,
Hợp thành số cửu (9) quá nguyên,
Cũng trong Cửu Tộc lưu truyền chẳng sai.
Đếm tới 9, bớt 2 còn 7,
Là 7 ông, thầy thầy kêu chuyền,
Hợp thành số cửu (9) chi nguyên,
Nên kêu Thất Tổ Hậu Thiên không lia.
Con đứng giữa đặng chia vay trả,
Vay ơn dày thì trả nghĩa sâu.
Tại vậy nên mới lo tu,
Lo tu đặng độ đến bù nghĩa nhơn.
Người có đó nên người hơn thú,
Thú được vậy, thú cũng bằng người.
Khuyên con chớ tưởng trò chơi,
Rán công tu luyện nên người để chi “.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển : Vì người giữ tròn hạnh thì cứu đặng Thất Tổ, Cửu Huyền, vậy có đáng quý báu chăng ?

Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, ngày 15-10 năm Canh Dần (1950) :

“Bần Đạo nói thật, thời buổi này, chúng ta không tìm phương giải thoát cho Cửu Huyền Thất Tổ thì không có thời buổi nào có năng lực độ rỗi Cửu Huyền, Thất Tổ của mình choặng.

Bởi thế nên toàn thể con cái Đức CHÍ TÔN, Nam Nữ cũng vậy, có tấm lòng yêu ái nồng nàn hoài vọng giọt máu, mảnh thân hình, giờ phút này là giờ phút nên để trọn tâm cho thanh tịnh, đặng cầu nguyện siêu thoát cho Cửu Huyền Thất Tổ.

Bần Đạo dám nói : Giờ phút này, mấy người có thể nhong nhẹo với Đức CHÍ TÔN được. Ngài sẵn sàng để hai chữ ân xá thì mấy người xin cái gì, thì ổng cũng cho cái này”.

* Trong một Đàn cơ Đức CHÍ TÔN giảng, thuở chưa khai Đạo. Đức CHÍ TÔN dạy Bà Hương Hiếu (sau đắc phong Nữ Đầu Sư) đi phổ độ nhưn sanh. Bà Hương Hiếu bạch với THẦY rằng :

- Bạch THẦY, má con mắc ở xa làm sao con đi độ nhưn sanh được ?

THẦY dạy : “ Hiếu : Con biết, một lòng tu niệm, đạo đức của con đủ cứu Cửu Huyền Thất Tổ rồi, huống là mẹ con, để THẦY định đoạt, con đừng buồn”(7/1/1925)
(Trích Đạo Sử Q.1 của Nữ Đầu Sư Nguyễn Hương Hiếu).

* Trong một Đàn cơ, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung hỏi Bát Nương :

- Thân phụ và thân mẫu của qua có được siêu không ? Giờ đây ở đâu ?

Bát Nương đáp :

- Em chỉ bằng thơ, nếu anh giảng trúng thì nói nữa, trật thì lui.

Đức quyền Giáo Tông năn nỉ :

- Nếu qua nói trật thì nhờ em thương tình mà chỉ dẫn để cho qua học hỏi thêm với.

Bát Nương nói :

- Bạch Y Quan nay sanh Cực Lạc, Bá phụ cùng bá mẫu đặng an.

- Như vậy là thân phụ và thân mẫu, trước ở cõi Bạch Y Quan nay đã sang ở yên nơi Cực Lạc.

- Đúng đó, ấy là nhờ công tu luyện của anh nên bá phụ và bá mẫu siêu thăng nơi Cực lạc.

Bản Hệ Thống Cửu Huyền :

1. Ông Sơ của ông Sơ (Tỷ tổ)
2. Ông Cố của ông Sơ (Thỉ tổ)
3. Ông Nội của ông Sơ (Viễn tổ)
4. Cha của ông Sơ (Tiên tổ)
5. Ông Sơ (Cao tổ)
6. Ông Cố (Tầng tổ)
7. Ông Nội (Nội tổ) Đếm từ 1 đến 7 là : **THẤT TỔ** .
8. Cha
9. Bản thân.

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm

Môn Nghi Lễ: Bài số 10

Đề Tài: **GIẢI THÍCH KINH CÚNG TUẦN CỬU**

Theo cổ tục, Việt Nam từng theo Phật giáo, khi gia quyến có người qui liễu cứ đến 7 ngày thì tổ chức cúng một lần gọi là làm Thất, để cầu siêu cho vong linh người quá cố. Làm như vậy liên tiếp 7 kỳ gọi là Thất Thất (7x7) kế đó làm tuần 100 ngày, đến tuần giáp năm (12 tháng), rồi mãn khó tức mãn tang (3 năm hay 36 tháng); cộng chung tất cả là 10 tuần cúng để con cháu cầu nguyện cho vong linh được nhẹ nhàng qua 10 cửa Thập Điện Diêm Cung. (Đây là con số bí pháp của Phật giáo không thuộc phạm vi bài giải thích kinh cúng tuần cửu của Cao Đài, có dịp sẽ giải thích sau.)

Từ khi lập Tam Kỳ Phổ Độ tức cơ cứu thế kỳ ba, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, nhưn danh Đấng Quyền Năng Chủ Tể cả Càn Khôn Võ Trụ, Ngài ra lệnh xá tội cho chúng sanh, **“đóng địa ngục, mở tầng Thiên. Khai đường Cực Lạc, dẫn miền Tây Phương”**. Đây là một cuộc đại xá vô tiền khoáng hậu vậy. Kể từ ngày đó, những vong linh còn mang nhiều nghiệp chướng, nếu phải chịu hình phạt theo luật **“nhân quả”** thì phải đầu kiếp trở lại thế gian để trả quả. Chúng ta thường nghe khẩu truyền trong dân gian câu: *“Đời xưa quả báo thì chầy, ngày nay quả báo một giây nhỡn tiền”* là vậy.

Vì vậy, nên khi người tín đồ Cao Đài qui liễu, tang quyến đếm đủ 9 ngày đến Thánh Thất làm Cửu một lần. Làm liên tiếp 9 tuần Cửu như vậy, Đạo Cao Đài gọi là làm Cửu Cửu (9x9) . Sau tuần chung Cửu, đếm đến 200 ngày làm tuần Tiểu Tường và thêm 300 ngày nữa thì làm tuần Đại Tường,

tức tuần mãn tang, để cầu siêu cho vong linh người quá cố được thông dong qua Chín tầng Trời. Tang quyển phải làm như vậy, tổng cộng là 11 tuần.

(Những con số 9, 81 của Cửu Cửu ($9 \times 9 = 81$), cũng là con số bí pháp, sẽ được giải thích ở bài khác).

Ở đây, thử hỏi tại sao đưa chơn hồn lên 9 tầng Trời mà phải làm đến 11 lễ cúng là nghĩa làm sao ?

Muốn biết rõ, chúng ta cứ lấy mấy bài kinh cúng tuần Cửu trong kinh Thiên Đạo & Thế Đạo do Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh ấn tống, đọc kỹ từ câu, từng khoản, để tìm cho hết ý nghĩa thì sẽ thấy ngay. Phần lớn tín hữu Cao Đài thường lầm tưởng là mỗi tuần Cửu đọc một bài kinh là đã đưa linh hồn lên một tầng Trời, và khi đọc bài kinh nhứt Cửu và nhị Cửu thì linh hồn đã được đưa lên 1 hay 2 tầng Trời rồi. Sự thật không phải vậy.

Trước khi giải nghĩa chi tiết từ bài kinh Cửu, Xin nhắc lại danh hiệu của 9 tầng Trời các chơn hồn phải đi qua:

Chín tầng Trời gồm những tầng sau đây: **1. Thanh Thiên. 2. Huỳnh Thiên. 3. Xích Thiên. 4. Kim Thiên. 5. Hạo Nhiên Thiên. 6. Phi Tướng Thiên. 7. Tào Hóa Thiên. 8. Hư Vô Thiên. 9. Hồn Nguơn Thiên. (*)**

Chúng ta nên biết rằng: Linh hồn khi mới xuất ra khỏi xác thì còn khờ khạo chưa định tỉnh sáng suốt, bởi nhuốm không nhiều thì ít hạt bụi trần gian quá lâu, nên chưa biết đường về Tiên cảnh. Vì vậy 2 bài kinh Nhứt Cửu và Nhị Cửu là để nhắc cho linh hồn nhớ lại quê xưa, cảnh cũ, đồng thời kêu gọi linh hồn phải tỉnh trí, phải anh linh đừng lưu luyến hồng trần, "*giọt lụy của cửu huyền dẫu đổ, chớ đau lòng thuận nợ trầm luân*" (Kinh Khai Cửu). Linh hồn phải tỉnh tấn níu theo "*phươn trụy hồn*" của Lục Nương Diêu Trì Cung và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mà đi.

Bởi có nên trong kinh Nhứt Cửu có câu:

*"Khá tỉnh thức tiên duyên nhớ lại,
Đoạn cho rồi oan trái buổi sanh.
Đem mình nương bóng Chí Linh,
Định tâm chí Thánh mới gìn ngôi xưa."* và có câu:
*"Hồn định tỉnh đã vừa định tỉnh,
Phách anh linh ắc phải anh linh."*

Qua bài kinh Nhị Cửu vẫn còn tiếp tục kêu gọi nhắc lại cảnh cũ như Hội Bàn Đào cho linh hồn nhớ lại, để nong nả dục tấn trở về hội ngộ với Đức Diêu Trì Kim Mẫu và cũng chỉ đường cho đi. Từ đây mới bắt đầu lên cõi không trung, nên trong bài kinh Nhị Cửu có câu:

*“Khí trong trẻo dường như băng tuyết,
Thân im lìm dường nét thiếu quang.
Xa chừng thế giới Địa hoàn,
Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thăng.”*

Qua đến bài kinh Tam Cửu, linh hồn mới bắt đầu đi vào tầng Trời thứ nhứt là cõi Thanh Thiên, tức miền Bồng Đảo. Do bài kinh này, ta để ý đọc kỹ cho biết coi nơi tầng Thanh Thiên linh hồn sẽ gặp những gì ?

Trước hết là vào Động Thiên Thai nơi ngự của 7 Lão là Thất Hiền. Kế đó linh hồn sẽ đến một ngã ba đường: Một ngã về Cung Đâu Tốt hay Đâu Suất, tức là đường về với Đức Chí Tôn và ngã kia đi về Cung Bích Du, tức là đường về với Kim Quang Sứ hay Quỷ Vương. Nếu linh hồn không ai điều dẫn thì dễ bị lạc đường sa vào tay chúa quỷ, nên có câu: *“Tìm cung Đâu Tốt lạc nhâm Bích Du.”*

Các linh hồn có nhập môn, đã lập minh thệ, tụng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, mà ta thường gọi là ký Hòa Ước giữa Trời và Người hay **‘Hòa Ước Thiên Nhân’**, đến lúc sắp chết được Diêu Trì Cung phái Lục Nương và Tiếp Dẫn Đạo Nhơn đưa phước linh dẫn đường cho khỏi lạc đường, nên bài kinh cầu hồn khi hấp hối có đoạn:

*“Diêu Trì Cung sai nàng Tiên Nữ,
Phép Lục Nương gìn giữ chơn hồn.
Tây Phương Tiếp Dẫn Đạo Nhơn,
Phước linh khai mở nẻo đường Lôi Âm .”*

Qua khỏi ngã ba đường thì đến Cung Như Ý, kiến diện Đức Lão Quân và đến Hội Thánh Minh được giao sách Trường Xuân cho xem, để chơn hồn được khoái lạc tiến lên đàng Vọng Thiên.

Đến bài kinh Tứ Cửu, linh hồn được đưa lên tầng Trời thứ nhì là tầng Huỳnh Thiên. Tầng này là tầng linh hồn phải qua nhiều ải nặng nhọc nhứt. Những ai có thân nhân qui liễu khi đến tuần Tứ Cửu tức là cõi Huỳnh Thiên, cần phải để hết tâm cầu nguyện cho linh hồn được qua dễ dàng.

Do theo bài kinh Tứ Cửu, khi linh hồn được thuyền rồng đưa đến tầng Huỳnh Thiên phải vào Cung Tuyệt Khổ để diện kiến Đức Huyền Linh Quân. Nơi đây Ngài dùng roi thần đánh tan quái khí và Bộ Lôi Công đốt hết trước quang, để linh hồn được trong sạch chun qua Lầu Bát Quái ở cửa Thiên Môn.

Theo lời giảng của Đức Phạm Hộ Pháp: cửa lầu này là một chữ VẠN rất to, quay tít như cánh quạt máy, chỉ thấy sáng choang không có chỗ nào qua đặng. Có nhiều chơn hồn đến đó không dám qua, phải chờ hằng năm bảy trăm năm, chừng có vị Tiên hay Phật qua, cánh cửa lầu Bát Quái ngưng quay, mới thừa dịp đi qua.

Thời Tam Kỳ Phổ Độ, nhờ các Đấng lãnh linh Đức CHÍ TÔN thường lên xuống, nên các chơn hồn nương theo mà qua cửa lầu dễ dàng hơn.

Đến đệ Ngũ Cửu, linh hồn qua được cửa Thiên Môn lên cõi Xích Thiên là tầng Trời thứ ba. Nơi đây tất cả Tông Đường Thiêng Liêng đón tiếp mừng rỡ vô cùng, nên trong kinh có câu:

“Cả miền Thánh Vực rộn ràng tiếp nghinh”.

Kể từ đây linh hồn tuần tự đi tới nhẹ nhàng không còn qua những cơn thử thách nặng nề như ở tầng Huỳnh Thiên là tầng Trời thứ nhì. Nơi tầng Xích Thiên này linh hồn được đưa vào Đài Chiếu Giám xem lại cả kiếp sanh của mình như trong đài truyền hình (TV) để mình tự định tội lấy mình. Xong rồi vào Cung Ngọc Diệt Hình để khai Kinh Vô Tự đặng nhìn quả duyên.

Kinh Vô Tự là kinh không có chữ, kinh này khi linh hồn vào Cung Ngọc Diệt Hình mở ra xem sẽ thấy rõ quả duyên của mình. Đến đây có Tiên xa gọi là xe Như Ý đưa lên tầng Trời thứ tư gọi là tầng Kim Thiên.

Qua đệ Lục Cửu, linh hồn đến tầng Kim Thiên xuống xe Như Ý vào Cung Vạn Pháp được xem qua sự nghiệp cũ của mình đã tạo từ những kiếp trước và đến Cung Lập Khuyết tìm duyên định nự.

Xong rồi thì có Khổng Tước là con Công chở linh hồn đến Đài Huệ Hương để được xông hương giải trược cho cả thánh thể được thơm tho, tiêu hết ô-ước kiếp sanh và từ đây có tiêu thiêu nhạc trời đưa linh hồn đến tầng Trời thứ năm.

Đến đệ Thất Cửu, linh hồn đến tầng Hạo Nhiên Thiên là tầng Trời thứ Năm. Nơi đây cảnh vật xinh đẹp lạ thường và hào quang chiếu diệu. Linh hồn vào Cung Chưởng Pháp diện kiến Đức Chuẩn Đề Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát. Nơi đây đã vọng thấy cõi Niết Bàn và vắng nghe tiếng trống Chùa Lôi Âm thúc dục làm cho linh hồn phấn khởi lên tầng thứ sáu.

Qua đệ Bát Cửu thì linh hồn đến tầng Phi Tướng Thiên là tầng Trời thứ sáu. Nơi đây đã xa mùi trần thế, đã nghe hơi tiên tử nực nồng thơm ngọt. Ở tầng này có cung Tận Thúc và Cung Diệt Bửu, linh hồn vào đó nhận thấy một lần nữa nghiệp hữu hình tượng đủ vô vi, rồi đến Phổ Đà sơn diện kiến Từ Hàng Bồ Tát nhờ rưới giọt Cam Lộ, để rửa sạch ai bi kiếp người.

Đến đệ Cửu Cửu, linh hồn đến tầng Trời thứ Bảy là tầng Tạo Hóa Thiên (*). Linh hồn làm xong phận sự vào triều kiến Diêu Trì Kim Mẫu. Nơi đây linh hồn được MẸ ban thưởng dự Hội Bàn Đào và được ban cho tiên tửu. Xong rồi sang Cung Bắc Đẩu xem căn quả số và vào Linh Tiêu Điện học lễ triều nghi chờ ngày ra trước Ngọc Hư Cung hội kiến với Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, định phần đọa thăng. Những linh hồn còn nặng phần vay trả, sẽ bị đưa qua Kim Bồn ở Cung Tạo Hóa đầu kiếp trở lại trần gian trả quả cho đúng với luật công bình thiêng liêng tạo hóa hay là luật “*Nhân quả*” (Loi de Karma).

Mãn tuần Cửu Cửu, sau 200 ngày, thì đến tuần Tiểu Tường. Đến tuần này, linh hồn nào trong sạch được đưa vào tầng Hư Vô Thiên, là tầng Trời thứ tám. Nơi đây có hàng hà sa số chư Phật từng lịnh **Nhiên Đăng Cổ Phật**, dẫn độ chơn linh đắc Pháp, đắc Phật, đắc Duyên, đắc Vị, đắc A-Nậu Đa-La Tam Diệu Tam Bồ Đề (tức đắc phẩm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác), chứng quả nhập Cực Lạc Quốc, cũng gọi là cõi Niết Bàn.

Sau lễ Tiểu Tường đếm đủ 300 ngày thì làm lễ Đại Tường. Các chơn linh trong sạch được Đại Hội Ngọc Hư Cung chứng quả vị rồi, thì có Đức Bồ Đề Dạ dẫn hồn thượng tấn lên tầng **Hồn Nguơn Thiên**, là tầng Trời thứ chín vào yết kiến Đức **Di Lạc Vương Phật** nơi Lô Âm Tự, đến Ao Thất Bửu gọi mình sạch tục lên ngự liên đài mình. Đến đây là giai đoạn cuối cùng.-

(*). Lưu ý : Tài liệu này là của Ngài Hồ Bảo Đạo thuyết giảng tại khóa Cao Đẳng Hạnh Đường huấn luyện Giáo Hữu, Giáo Sư và Phối Sư học chung tại Tòa Thánh Tây Ninh năm 1972, có phần sai biệt với lời giải thích 9 tầng Trời của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, viết trong quyển : “Giải Nghĩa Kinh Thiên Đạo”, trang NH 33 và Kinh Đệ Nhứt Cửu trang 393, do Ban Thế Đạo ấn hành lần thứ nhứt tại Hoa Kỳ năm 2000, chưa có sự Kiểm Duyệt của Hội Thánh Cao Đài, Tòa Thánh Tây Ninh. Trong phần giải nghĩa Cửu Trùng Thiên của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu viết trong quyển Thiên Đạo, trang 126, cũng đồng quan điểm với Ngài Hồ Bảo Đạo. Chiếu Chương Thứ V của Chương Trình Hiến Pháp lập tại Tòa Thánh ngày Rằm tháng 7 năm Mậu Thìn (1929). Điều thứ 22 : Nghiêm cấm trong Đạo không ai dặng lấy danh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và dùng Thiên Ân, Thiên Nhân mà đề vào bìa kinh sách (bán hoặc phát không) nếu kinh sách và Thánh Tượng ấy không có trình ban kiểm duyệt xem xét trước và đóng con dấu kiểm duyệt. Vậy chúng ta nên dè-dặt khi xử dụng .

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm
Môn Nghi Lễ: Bài số 11

Đề Tài: **CÁCH LÀM LÁ PHAN DÙNG CHO LỄ TIỂU TƯỜNG VÀ ĐẠI TƯỜNG**

Kinh Thiên Đạo & Thế Đạo dạy cách làm Lễ Tiểu và Đại Tường như sau :

TIỂU TƯỜNG (200 ngày)

Đếm đủ 200 ngày kể từ ngày làm tuần Cửu cửu rồi, mới làm lễ Tiểu Tường.

Cách thể nghi tiết thì cũng làm y như làm tuần Cửu cửu vậy, nghĩa là cúng Tiểu lễ có dâng Tam Bửu và thượng Sớ, rồi thỉnh linh vị đến trước Điện tiền, tụng kinh Khai Tiểu Tường (tức Kinh Khai Cửu, tụng 1 hiệp), kế tiếp tụng Kinh Tiểu Tường (tụng đủ 3 hiệp). Đến khi dứt thì niệm câu chú của THẦY (3 lần) và lạy 12 lạy .

ĐẠI TƯỜNG (300 ngày)

Đếm đủ 300 ngày kể từ ngày làm Tiểu Tường rồi, mới làm Đại Tường .

Nghi lễ và cách làm cũng y như Tiểu Tường vậy, nhưng trước hết phải tụng Kinh Khai Đại Tường, rồi tiếp tụng Kinh Đại Tường .

Khi cúng tế và tụng kinh Di-Lặc xong, lễ thành, thì vị chứng lễ mặc Đạo Phục và Đồng Nhi đến đứng trước Thiên Bàn, mời tang quyền đến. Vị chứng lễ quì trước , tang chủ quì sau, cầu nguyện Đức CHÍ TÔN và các Đấng để đốt lá Phan xin xả tang. Khi đốt lá Phan thì Đồng nhi tụng kinh Vãng Sanh và niệm câu chú THẦY 3 lần. Dứt toàn thể đồng lạy 3 lạy.

Đoạn vị chủ lễ đứng dậy day mặt ngay vị tang chủ gỡ lấy khăn tang của vị này để xuống, các thành viên trong tang quyền tự động gỡ xuống và lạy 3 lạy, đứng dậy xá 3 xá và bước ra ngoài cõi đồ tang.

Tuyệt đối : Vị chủ lễ không có thỉnh nước Âm Dương để rải lên đầu tang quyền rồi đọc câu chú xả tang và cũng không có vục cát tóc, chải tóc gãi cả.

Nên nhớ : Nước Âm Dương cúng Đức CHÍ TÔN chỉ thỉnh cho bình nhân khi cầu bệnh uống mà thôi. Còn Cam Lộ Thủy mới rải vào thể xác người chết, khi Chức Sắc làm phép xác . Nước Cam Lộ phải nhờ vị Chức Sắc Thiên Phong hàng Thánh Thể có thọ Bí Truyền Chơn Pháp cầu xin Phật Bà Quan Âm ban cho mới có được .

Về việc cắt tóc, chải tóc cho tang quyến là làm theo cổ tục xưa thật xưa của Nho giáo. Theo Nho giáo khi gia đình có tang của cha mẹ hay ông bà thì con cháu không được phép cưới vợ gả chồng trong 3 năm tang chế, mặc dầu đã làm đám hỏi rồi cũng phải đình lại cho đến ngày mãn tang. Người thọ tang cũng không được cạo râu hay cắt tóc khi còn chịu tang. Con trai đã có vợ không được ngủ với vợ. Con gái có chồng không được phép mang thai. Nghĩa là lúc nào cũng phải tỏ ra bề ngoài cho mọi người hiểu biết mình đang chịu tang một tấm lòng sầu muộn tang khó đề nặng trên thể xác để chứng tỏ lòng báo hiếu !

Ai làm trái với cổ tục này sẽ bị khếp vào tội bất hiếu ! Bà con làng nước sẽ khinh bực những người con cháu gia đình này và định tội họ là phường vô ân !.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, do Đức CHÍ TÔN, Ngọc Hoàng Thượng Đế sáng lập, gọi tắt là Đạo CAO ĐÀI, cũng gọi là “*Phật giáo chấn hưng hay Nho Tông chuyển thế*”, nên tôn chỉ của Đạo CAO ĐÀI là thể hiện lòng khoan dung đối với tất cả tín ngưỡng và vẫn tôn trọng hết thảy các tư tưởng của các Tôn giáo, hòa đồng cùng nhau thành một Tôn giáo đại đồng, thể theo Thánh Ý của Đức Thượng Đế.

Đức CHÍ TÔN có dạy về triết học CAO ĐÀI qua bài Thánh giáo như sau :

*“ Tường quan nhưt khí chiếu minh đông,
Tam giáo qui nguyên giữ cộng đồng.
Phật pháp khuyến nhơn qui mỹ tục,
Nho Tông phục thế hưởng thuần phong “.*
*Diệu huyền chơn đạo tu tông hướng,
Mê hoặc tà mưu khả tự phòng.
Thế thượng dục tri Thiên sứ đáo,
Tam Kỳ Phổ Độ lập kỳ công. (TNHT Q.1 Tr.91)*

Vì vậy, Tôn giáo Cao Đài chỉ giữ nguyên vẹn những triết lý tinh khiết của mỗi Tôn giáo, còn những cổ tục không còn thích hợp trình độ tiến hóa của vạn linh về phương diện “ *thuần phong, mỹ tục*” thảy đều bị gác lại.

Dưới đây là hình thức & cách làm lá Phan dùng cho lễ Tiểu và Đại Tường.
Chiều dài lá Phan khoảng 5 đến 7 tấc Tây. Nếu ngắn không đủ chỗ ghi chữ.

Trong lòng lá phan đề những hàng chữ sau đây :

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thất Thập Niên Tòa Thánh Tây Ninh, Cố tánh Đạo hữu Nguyễn văn X, Hưởng thọ Thất Thập tuế, Nguyên sanh tại Tây Ninh, Phú Khương Huyện, Hiệp Ân Xã, Nhập môn Canh Thìn Niên, Tứ nguyệt, Sơ Nhứt Nhựt, Vãng ư Canh Thìn Niên, Nhị Nguyệt Dậu Thời Nhi Chung tại Hòa Hội Hương Thiết lễ Tiểu (Đại) Tường chi tuần, Canh Thìn Niên Nhị nguyệt Thất Thập Lục Niên Ngọ Thời tại Thánh Thất Hiệp An .

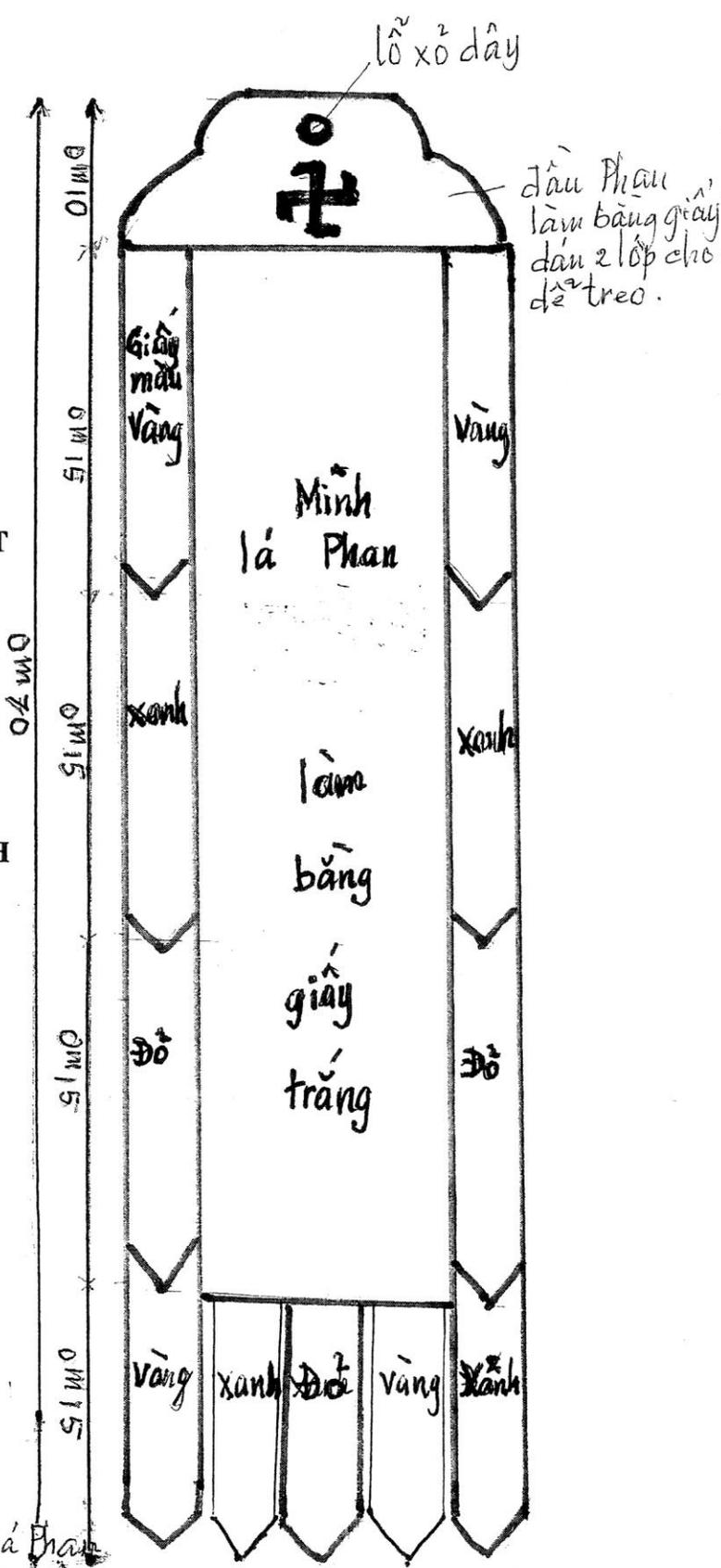
CÁCH LÀM LÁ PHAN DÙNG CHO LỄ TIỂU VÀ ĐẠI TƯỜNG

Lòng Phan :

1

2

ĐẠI	HIỆP	
ĐẠO	TÂN	
TAM	XÃ	
KỶ	NHẬP	
PHỔ	MÔN	
ĐỘ	NHÂM	
THẮT	THÌN	3
THẬP	NIÊN	CANH
TỬ	TỬ	NGỌ
NIÊN	NGOẠT	NIÊN
TÒA	SƠ	NHỊ
THÁNH	NHỰT	NGOẠT
TÂY	NHỰT	THẮT
NINH	VĂNG	THẬP
CỔ	Ư	TỬ
TÁNH	CANH	NIÊN
ĐẠO	NGỌ	NGỌ
HỮU	NIÊN	THỜI
NGUYỄN	NHỊ	TẠI
VĂN	NGOẠT	THÁNH
X	DẬU	THẮT
HƯỜNG	THỜI	HIỆP
THỌ	NHỊ	TÂN
THẮT	CHUNG	
THẬP	TẠI	
BÁT	HÒA	
TUẾ	HỘI	
NGUYÊN	HƯƠNG	
SANH	THIỆT	
TẠI	LỄ	
TÂY	ĐẠI	
NINH	TƯỜNG	
HÒA	CHI	
THÀNH	TUẦN	
HUYỆN		



Các chữ này làm Mẫu để ghi vào lòng lá Phan
 lựa chữ ghi cho đúng với địa phương, ngày giờ.
 Ghi hàng dọc từ chữ: Đại Đạo xuống đến chữ Thành Thắt Hiệp Tân. Xong tới đây, nếu thấy thiếu ghi 2 chữ

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm
Môn Nghi Lễ: Bài số 12

Đề Tài: **Ý NGHĨA TRỐNG, CHUÔNG, LỄ, NHẠC VÀ 7 BÀI ĐÀN CÚNG ĐẠI ĐÀN**

Trong lễ cúng Đại Đàn, Tôn giáo CAO ĐÀI thường dùng Trống, Chuông, Lễ, Nhạc và 7 bài Đờn Cổ Nhạc, sau đó mới bắt đầu đọc Kinh hòa với các bản đờn, khi giọng Nam Ai, khi giọng Nam Xuân, lúc lại Đảo Ngũ Cung để hiến lễ Đức CHÍ TÔN. Nghi thức thật nghiêm trang thành kính ; tuy nhiên nếu không rõ ý nghĩa người dự lễ không khỏi thắc mắc, nhất là người ngoại quốc, không hiểu sao Đạo Cao Đài lại dùng quá nhiều âm thanh sắc tướng, làm mất nhiều thì giờ, nhằm mục đích gì ?

Nghi lễ các thời cúng thuộc về Bí Pháp của mỗi Tôn giáo, có ý nghĩa đặc biệt riêng cho ba tạng Kinh : Kinh Luật, Kinh Lễ, Kinh Luận. Muốn giải thích cho thông suốt, tận tường, thật rất khó ; vì lẽ về siêu hình nhân gian chưa đủ từ mình giải .

Căn cứ theo lời Đức Phạm Hộ Pháp giảng : “Bên Âu Châu, chỉ dùng Chuông mà không có Trống. Còn ở Á Đông, trong nền Đạo Cao Đài thì dùng cả Trống và Chuông ; vì lẽ Trống theo Bí Pháp là “Âm Thinh” của Đạo .

Đức Ngài cho biết : Thuở chưa có Càn khôn Vũ trụ, Đạo giáo có dạy : Hai lần ngưng khí đọng lại nở ra khối lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái Cực. Chủ ngôi Thái Cực là Đức CHÍ TÔN .

Khi nào Trời sét nổ, chúng ta nghe một tiếng “Ầm”, còn Đạo pháp kêu “Ừm”, vì cơ, phép Phật sửa lại là “Úm”. “Úm ma ni bát rị hồng” có nghĩa là : nắm cả quyền năng Vũ trụ quản xuất trong tay. Sau tiếng nổ chúng ta còn nghe dư âm ngân vang bay xa. Bởi nguyên căn của tiếng nổ là tiếng Trống, còn tiếng ngân là tiếng Chuông. Nguyên căn các Tôn giáo Âu Châu dùng Chuông là hưởng ứng theo âm hưởng tiếng Trống của Phật giáo, mà Phật giáo xuất hiện trước nơi Á Đông. Vì vậy các Tôn giáo phụ thuộc đều không đúng nguyên tắc căn bản .

Về Lễ Nhạc, trong lễ “*Nhạc tấu Huân Thiên*”, tức là lễ “*Hiển dương sự sống*” cho Đức CHÍ TÔN, là Chúa Tế của cả Càn khôn vạn vật đồng thinh. Nơi Á Đông có câu :

“*Điều Thổ cách Mộc, Thạch, Kim, dữ tư trước nãi bát âm*”. Các nhạc cụ đó là vật vô năng, nhờ có sức người tạo thành cho nó có tiếng phát ra trong trật tự, niêm luật, hòa nhau với tiếng Kinh người đọc là “Âm thanh”, nghĩa là con người và vạn vật đồng thanh cùng hiến lễ, đó là cơ đạo Đạo trong lễ hằng sống. Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liếng : “*Bát hồn tư mặc ca Huỳnh Lão, Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn*” là nói lên ý nghĩa đó .

Vì sự hệ trọng này, Đức Phạm Hộ Pháp thương nhắc nhở : “Khi nhạc trối, cả thầy phải im lặng để thành tâm hiến trọn âm thanh. Sự bí mật ấy gọi là “**Phi tướng lễ**”, chủ ý là trình tấu với Đức CHÍ TÔN rằng : “Chúng con biết đặng sự mầu nhiệm nguyên căn của Cha Lành, muốn cho các con nối nghiệp theo khuôn luật trường tồn “. Lễ đó hệ trọng như lễ dâng Tam Bửu .

Về 7 bài Đờn cúng Đức CHÍ TÔN và Tam Nguyên, mỗi bài ý nghĩa như sau :

1. **Xàng xê** : nghĩa là đưa qua trộn lại không ở một chỗ, ấy là biểu hiện thời hỗn độn sơ khai (chưa có tiếng nổ).
2. **Ngũ Đối Thượng** : nghĩa là 5 tầng thượng trên Trời là Ngũ Khí. Ấy là khí thanh nổi lên làm Trời.
3. **Ngũ Đối Hạ** : nghĩa là 5 tầng xuống Đất (Ngũ Hành), ấy là khí trược hạ xuống làm Đất .
4. **Long Đăng** : nghĩa là Rõng lên, ấy là Dương .
5. **Long Ngâm** : nghĩa là Rõng xuống, ấy là Âm .
6. **Vạn giá** : nghĩa là vạn sự đã định, ấy là muôn loài vật đều có tên .
7. **Tiểu khúc** : nghĩa là sự nhỏ, ngắn, ấy là dù việc nhỏ ngắn đều có định luật .

Điều cần lưu ý : Chỉ có Đại Đàn Đức CHÍ TÔN và TAM NGUYÊN mới đờn đủ 7 bài hiến lễ, vì Đại TỬ PHỤ và Đại TỬ MẪU đều là cơ quan sanh hóa .

Cúng Đại Đàn : Tam Giáo, Tam Trán, chỉ đờn 5 bài là : Xàng xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng và Long Ngâm. Vì các Đấng còn luân chuyển trong Ngũ Khí, Ngũ Hành, phải mang Ngũ Tạng để nhập thế .

Còn cúng Đàn Sóc, Vọng và kỷ niệm các Đấng thì đờn 3 bài : Ngũ Đối Hạ, Long Đăng và Tiểu Khúc, ấy là Âm Dương sanh sanh, hóa hóa .

7 bài trên đây thuộc Dương, NHẠC gọi là 7 bài lớn, thường dùng để cúng Trời và các Đấng Thiên Liêng, không đờn theo thể giọng Nam, cũng không theo thể giọng Bắc .

Khi nói về NGHI LỄ , chúng ta phải hiểu rằng : “*Nghi là hình thức, Lễ là nội tâm*”. Trong thời cúng, ta thấy Lễ Sĩ áo mào chỉnh tề, 2 tay nâng lễ phẩm ngang mày, theo nhịp nhàng của Nhạc từ từ điện lễ. Cái phong cách tề chỉnh, bộ đi nghiêm trang ấy, khiến người bàng quang tự nhiên sanh lòng tôn kính, cho nên nói : Tinh thần của Lễ

là “**Kính**”. Đặc biệt, Đức CHÍ TÔN dạy trong Đạo Cao Đài : Lễ Sĩ đi chữ Tâm, không đi chữ Đỉnh như xưa. Chủ ý chú trọng “*Nội tâm hơn hình thức*”.

Còn nói về NHẠC, trong ban Nhạc gồm nhiều nhạc cụ, khi khởi tấu mỗi nhạc công trình diễn theo ý nhạc của mình, lẫn lộn giọng trầm giọng bổng, nhưng vẫn giữ đúng niêm luật là “hòa hợp”. Khi bản nhạc kết thúc, tất cả tiếng đàn, tiếng trống, các nhạc cụ đều rập ràng, đồng loạt im lặng, cho nên nói : Tinh thần của Nhạc là “**Hòa**”.

Tóm lại : Tinh thần của LỄ, NHẠC là “*Kính và Hòa*”. Hai sức mạnh ấy phải đi đôi như bóng với hình mới tạo được kết quả tốt cho Nội Tâm, hầu cảm hóa lòng mình, cũng như cho tha nhân về mặt đạo đức tinh thần, tạo thành khối Thánh Tâm dâng lên Đức Đại TỬ PHỤ và các Đấng Thiêng Liêng ; vì có cảm mới có ứng. Được như vậy, sự cúng lạy mới có kết quả tốt : “*Trời Người hiệp Một, Vạn linh đã hiệp Chí Linh*”.

Thánh Nhơn có dạy : “*Kính mà không Hòa là ly tán, Hòa mà không Kính là loạn lạc*”.

Gia đình ly tán, Xã hội loạn lạc, làm thế nào quần tụ, đoàn kết thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong sự sống còn, để dìu dắt nhau tiến bước trên đường Thánh Đức, hầu mưu tìm hạnh phúc chung cho nhân loại .-

KHÓA HẠNH ĐƯỜNG HÀM THỤ

Huấn Luyện Chức Việc Bàn Trị Sự Và Chư Đạo Tâm
Môn Nghi Lễ: Bài số 13

Đề Tài: CÚNG SAO HỘI ĐẦU XUÂN

Theo phong tục Việt Nam, hằng năm cứ đến chiều mồng 9 tháng Giêng, các Chùa Phật hay các Thánh Thất Cao Đài, thường có tổ chức cúng Sao Hội, được gọi là lễ “**Cúng Sao Hội Đầu Xuân**”.

Mục đích : trước cúng cầu an cho nhơn sanh bá tánh, sau để các tín đồ, tăng chúng thành tâm khấn đảo Cửu Điện Tinh Quân là : La Hầu, Thổ Tú, Thủy Diệu, Thái Bạch, Thái Dương, Văn Hớn, Kế Đô, Thái Âm, Mộc Đức chứng lễ. Cập thỉnh chủ hạn : Huỳnh Tiền, Tam Kheo, Ngũ Mộ, Thiên Tinh, Tán Tận, Thiên La, Địa Võng, Diêm Vương đồng chứng lễ. Phục vọng : các Đấng Thiêng Liêng từ bi giải ách thiên tai, tật bệnh giảm trừ, tinh thần tráng kiện, thể xác khương cường, lập công bồi đức, tế độ chúng sanh hồi tâm hướng thiện trải qua thời gian trong một năm .

Đây là tập tục cổ truyền của người Việt Nam nói riêng và các dân tộc Á-Châu nói chung .

Từ khi Đức CHÍ TÔN hoàng khai nền Tân Pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh không có ghi lễ Cúng Sao Hội vào các ngày lễ chính thức của Đạo; vì lễ đây là một lễ nhỏ có tánh cách phụ thuộc để các tín đồ, tăng chúng tự động nếu có ý muốn tổ chức cầu nguyện cho bản thân thì tổ chức không bắt buộc hay cấm đoán ; nhưng tại Tây Ninh hằng năm đều có tổ chức và Lễ Viện Hội Thánh cũng có soạn thảo mẫu Sớ để sử dụng cho buổi lễ và dạy khi cúng Sao phải đốt cho đủ 28 ngọn nến (tức tượng trưng cho Nhị Thập Bát Tú). Lễ cúng này cũng như lễ cầu nguyện cho Nhi Đồng vào ngày Rằm tháng 8 nhân lễ Trung Thu, Đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung hằng năm.

Vấn đề cần được đặt ra dưới đây để chúng ta cùng luận - giải là :

Cúng Sao Hội Đẩu Xuân có ý nghĩa gì ? Nó có gì là mê tín dị đoan không ?

- Theo các nhà Hiền Triết Đông Phương cũng như các nhà Khoa Học Tây Phương xưa nay đều công nhận tất cả sự vật đều chịu sự chi phối bởi lẽ tuần hoàn của Tạo Hóa .

Những trạng huống sanh tử, tử sanh, thành trụ, hoại diệt, triển miên, tiếp diễn, tiền nhân, hậu quả, tương tục, chẳng dừng, không cùng, không tận, v.v...

Xuân qua rồi Xuân lại, Xuân đến rồi Xuân đi, vạn vật luôn luôn biến động đều chung chịu một định luật thiên nhiên của Đấng Cầm Quyền Trị Thế, Chúa Tể của muôn loài “ *Vô vi nhi dịch sử quân linh* “.

Trong trời đất, chúng ta thấy : Giữa các sự vật không có sự đứt lìa gián đoạn. Trái lại, mỗi sự vật đều dính líu, chồng chất lên nhau ít nhiều với vật khác, do đó mà có ảnh hưởng qua lại với nhau. “*Đó là luật liên quan*”. Ví dụ : Như cây lúa có liên quan với bông lúa ; bông lúa có liên quan đến hạt lúa, hạt lúa hiện tại có liên quan đến cây lúa tương lai .

Trong mỗi sự vật đều có chất chứa những sức mạnh trái ngược nhau, các ảnh hưởng ấy qua lại với nhau mà đi đến sự giải quyết chung. “*Đó là luật mâu thuẫn*”..

Khoa học ngày nay đã phát minh nguyên lý :”*Năng lực tồn tại*” (Loi de la conservation de l’Énergie) chứng minh rằng mọi năng lực vật chất đều không hề bị tiêu diệt .

Bởi các cơ ấy mà ở khắp hoàn cầu chớ chẳng riêng gì ở Việt Nam mới tin con người có số mạng. Ở Ai Cập, Ấn Độ và Âu Châu có nhiều khoa học nói về Lý Số, Chiêm Tinh, tức “*Numérologie và Astrologie*” .

Về Lý Học, các nhà Khoa học Đông Tây đã gặp nhau cho rằng : Nguyên lý của mọi sự hóa sinh trong vũ trụ là cái lý độc nhất, tuyệt đối, tự hữu, hằng hữu, vô thủy vô chung, mà ta tạm gọi là Thái Cực (L’Être Suprême, absolu en soi et éternel: Dieu. Do lý Thái Cực sinh ra hai thể tương phản tạm gọi là Âm và Dương (Deux forces opposées : Le Positif et le Négatif) .

Hai thể tương phản giao nhau thành ra bốn cái hiện tượng của thế giới là :

- 1.- Lão dương (Vieux soleil) .
- 2.- Lão âm (Vieille lune) .
- 3.- Thiếu dương (Astres mineures) .
- 4.- Thiếu âm (L’Atmosphère : Làn không khí bao bọc địa cầu) .

Bốn hiện tượng ấy lại giao nhau mà sinh ra tám thể :

- 1.- Càn : Trời (Le Ciel) .
- 2.- Khôn : Đất (La Terre) .
- 3.- Khảm : Nước (Les Liquides, L’Eau) .
- 4.- Ly : Lửa (La Chaleur, le Feu) .
- 5.- Chấn : Điện (L’Électricité : La Tonnerre et La Foudre) .

6.- Tốn : Gió (L'Air : Le Vent) .

7.- Cấn : Núi (Les Plissements : Plateaux, Montagnes) .

8.- Đoài : Đầm (Les Dépressions : Mares et Lacs) .

Do các nguyên lý nói trên mà các nhà khoa học cũng như các tôn giáo trên thế giới đều tin tưởng : “**Con người có số mạng**”. Hễ nói có số mạng tức là nhận có kiếp trước, kiếp hiện tại và sự đầu thai ở kiếp sau, tức là nói theo “**Luật Luân Hồi**” (Loi de Karma) đây nhân quả vô cùng, dòng tử sanh vô tận của nhà Phật :

*“Nhân xưa muốn biết hỏi ai ?
Hãy xem số phận rủi may kiếp này .
Muốn biết quả báo kiếp sau ,
Hãy xem những việc ngày nay đang làm” .*

Trong Kinh Giải Oan của Tôn giáo Cao Đài cũng có đoạn nói về Luật Luân Hồi Nhơn Quả như sau :

*“ Luật Nhơn Quả để răn Thánh đức,
Cửa Luân Hồi nhắc bực cao siêu “*

Như vậy, sự sinh tử của con người thật là không có chỗ bắt đầu và cũng không có mức cuối cùng. Tuy nhiên, con người đầu nhìn nhận có số mạng, có hưng, suy, bĩ, thối, nhưng cũng đừng quá đổ thừa cho số mạng mà ngồi chờ số mạng.

Phải làm hết sức mình rồi mới được biết số Trời. Phải “*tận nhân lực mới tri Thiên mạng*”, như câu tục ngữ Tây Phương : “*Aides toi, le Ciel t'aidera*”. Và cũng đừng quá nông nổi, không tin số mạng là gì cả, mà cho rằng đó là mê tín dị đoan, rồi nhắm mắt làm liều !

Ngày xưa, Ông Trang Tử có nói : “*Khôn chết, Dại chết, Biết sống*”. Thời nay, người ta thêm vào : “*Biết người, biết mình, và biết được số mạng của mình*”. Đó cũng là việc rất cần thiết cho phương diện đối nhân xử thế hằng ngày .-